

60 NĂM QUỐC HỘI VIỆT NAM

tài liệu phục vụ tuyên truyền nhân dịp kỷ niệm

60 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên

(6/1/1946 – 6/1/2006)

Văn phòng quốc hội
trung tâm thông tin - thư viện và Nghiên cứu khoa học

60 NĂM QUỐC HỘI VIỆT NAM

Tài liệu phục vụ tuyên truyền về

60 năm Quốc hội Việt Nam

(6-1-1946 - 6-1-2006)

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
Hà Nội - 2005

Chỉ đạo biên soạn

Nguyễn Văn Yếu

Bùi Ngọc Thanh

Vũ Mão

Nguyễn Đức Hiền

Phó Chủ tịch Quốc hội

Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội

Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Chủ biên

Ngô Đức Mạnh

Tham gia biên soạn

Nguyễn Viết Lệnh

Lê Lục

Trần Văn Tám

Phan Thị Toàn

Lê Hà Vũ

Nguyễn Mạnh Dũng

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Ngày 6-1-1946, lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, mọi người dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt già trẻ, nam nữ, dân tộc, tôn giáo, đều được hưởng quyền bầu cử và ứng cử. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử này đã đánh dấu sự khai sinh Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Qua 60 năm hoạt động, Quốc hội đã thể hiện xứng đáng với vị trí, vai trò là cơ quan đại diện dân cử cao nhất và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất thông qua ba chức năng cơ bản: chức năng lập hiến và lập pháp; chức năng quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; và chức năng giám sát tối cao.

Nhân dịp 60 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Văn phòng Quốc hội tổ chức biên soạn tài liệu **60 năm Quốc hội Việt Nam - Tài liệu phục vụ tuyên truyền nhân kỷ niệm 60 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên (6/1/1946 – 6/1/2006)** nhằm ghi lại những chặng đường hoạt động, phát triển của Quốc hội, những thành tựu và kinh nghiệm trong 60 năm qua.

Cuốn sách gồm 3 nội dung chính: *Phần I*: Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta với Quốc hội; *Phần II*: Quá trình hình thành và phát triển của Quốc hội; *Phần III*: Một số tư liệu về Quốc hội 60 năm qua.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2005

MỤC LỤC

Lời nói đầu	9
<i>Phần thứ nhất</i>	
Chủ tịch Hồ Chí Minh và đảng ta với quốc hội	11
I. Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội	11
II. Các văn kiện quan trọng của Đảng về Quốc hội	16
<i>Phần thứ hai</i>	
Quá trình hình thành và phát triển của Quốc hội	23
I. Từ Quốc dân Đại hội Tân Trào đến cuộc tổng Tuyển cử đầu tiên (6-1-1946)	23
1. Quốc dân Đại hội Tân Trào	23
2. Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945	28
3. Những quyết định đi đến ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946	29
4. Một số diễn biến đáng chú ý trong ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946	33
5. ý nghĩa của kết quả bầu cử Quốc hội đầu tiên và việc ra đời của Quốc hội	34
II. Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà	35
III. Vị trí, vai trò của Quốc hội trong bộ máy nhà nước	41
1. Quốc hội là cơ quan đại diện dân cử cao nhất	41
2. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất	43
IV. Các thời kỳ phát triển của Quốc hội	47
1. Thời kỳ 1946-1960	47
	7

2. Thời kỳ 1960-1980	50
3. Thời kỳ 1980-1992	59
4. Thời kỳ từ năm 1992 đến nay	64
V. Một số bài học kinh nghiệm	82
VI. Tiếp tục đổi mới Quốc hội	88
1. Bối cảnh tình hình mới	88
2. Yêu cầu, mục đích đổi mới Quốc hội	90
3. Phương hướng và giải pháp đổi mới Quốc hội	95

Phần thứ ba

Một số tư liệu về Quốc hội 60 năm qua	104
I. Số liệu tổng quát về các kỳ bầu cử Quốc hội từ khoá I đến khoá XI	104
II. Danh mục bộ luật, luật đã được ban hành từ năm 1946 đến ngày 15-9-2005	116
III. Danh mục pháp lệnh đã được ban hành từ năm 1946 đến ngày 15-9-2005	136

LỜI NÓI ĐẦU

Cách đây gần 60 năm, chỉ sau mấy tháng giành được độc lập, ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên theo nguyên tắc dân

chủ, trực tiếp và bỏ phiếu kín đã thành công rực rỡ, bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam mới. Sự kiện này đã đi vào lịch sử nước nhà như một mốc son chói lọi, đánh dấu việc khai sinh Quốc hội của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, ngày nay là Quốc hội của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Gần 60 năm qua, kể từ ngày cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên được tổ chức cho đến nay, Quốc hội nước ta đã trải qua những giai đoạn phát triển hào hùng với 11 khoá hoạt động. Lịch sử phát triển của Quốc hội gắn liền với lịch sử cách mạng Việt Nam, trong đó, Quốc hội ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng là cơ quan đại diện dân cử cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hướng tới kỷ niệm 60 năm ngày Tổng tuyển cử Quốc hội (6-1-1946 – 6-1-2006), Văn phòng Quốc hội biên soạn tài liệu “**60 năm Quốc hội Việt Nam**”. Tài liệu này trình bày một cách khái quát quá trình hình thành, phát triển của Quốc hội Việt Nam từ khoá I đến khoá XI; chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội; cơ cấu tổ chức và những kết quả hoạt động chủ yếu của Quốc hội về các mặt lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao và hoạt động đối ngoại, trong đó có phân tích chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội qua các thời kỳ bằng việc trình bày lịch sử phát triển lập hiến của nước ta. Đặc biệt, tài liệu này còn hệ thống hoá tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam về Quốc hội và có phần số liệu cập nhật về toàn bộ các kỳ họp Quốc hội và các văn bản luật, pháp lệnh đã được ban hành từ trước đến nay.

Chúng tôi hy vọng rằng, tài liệu này sẽ cung cấp những thông tin cơ bản về Quốc hội và góp phần hỗ trợ việc nghiên cứu, tìm hiểu và thông tin, tuyên truyền nhân dịp kỷ niệm 60 năm Quốc hội Việt Nam. Đồng thời, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, lịch sử hình thành

và phát triển của Quốc hội là một đề tài lớn, đòi hỏi sự nghiên cứu thấu đáo và cần có thời gian. Vì vậy, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng khó tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong muốn nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí và các bạn để có thể hoàn chỉnh hơn vào các dịp xuất bản sau này. Xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, tháng 11 năm 2005

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

TS. BÙI NGỌC THANH

Phần thứ nhất

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

VÀ ĐẢNG TA VỚI QUỐC HỘI

("ý nghĩa Tổng tuyển cử", Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, 2002, *Sđd*, t. 4, tr.133)

I. CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI

* *Việt Nam yêu cầu ca*

"...*Bấy xin hiến pháp ban hành,
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền...*"

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 1, tr.438)

* **Hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử**

Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà.

Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó.

Vì lẽ đó, cho nên Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết.

Do Tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là Chính phủ của toàn dân...

* **Các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam**

... Trong cuộc Toàn quốc đại biểu đại hội này, các đảng phái đều có đại biểu mà đại biểu không đảng phái cũng nhiều, đồng thời phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số cũng đều có đại biểu. Vì thế cho nên các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam. Đó là một sự đoàn kết tỏ ra rằng lực lượng của toàn dân Việt Nam đã kết lại thành một khối...

("Diễn văn khai mạc kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá I nước Việt Nam dân chủ cộng hoà", Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr.190)

* **Quốc hội là tiêu biểu ý chí thống nhất của dân tộc ta, một ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi**

(Lời chào mừng Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khoá I, kỳ họp thứ tư, Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr.497).

* **Quốc hội đoàn kết nhất trí, toàn dân đoàn kết nhất trí, thì khó khăn nào chúng ta cũng khắc phục được và thắng lợi nhất định về tay ta**

"...Quốc hội ta là Quốc hội của toàn dân, được bầu ra theo

luật tuyên cử rất dân chủ: tự do, phổ thông, bỏ phiếu kín, mặc dầu hoàn cảnh nước ta lúc đó cách mạng mới thành công, nạn ngoại xâm đang đe dọa. Vì vậy, Quốc hội ta là tiêu biểu cho tinh thần đoàn kết của toàn dân, cho chí khí quật cường của dân tộc, cho quyết tâm độc lập, thống nhất của toàn thể đồng bào ta từ Bắc đến Nam...”.

“...Khoá Quốc hội này là khoá Quốc hội *phát triển dân chủ* của Nhà nước, dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân... Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường chuyên chính để làm cho chính quyền ta ngày càng thật sự là chính quyền của nhân dân, phục vụ nhân dân, chống lại kẻ thù của nhân dân.

Khoá Quốc hội này là khoá Quốc hội *đoàn kết*. ở đây, có đại biểu của tất cả các giai cấp yêu nước, của tất cả các dân tộc anh em, các tôn giáo, các đảng phái, của đồng bào Bắc, Trung, Nam. Tất cả chúng ta đều phải tăng cường đoàn kết... Quốc hội đoàn kết nhất trí, toàn dân đoàn kết nhất trí, thì khó khăn nào chúng ta cũng khắc phục được và thắng lợi nhất định về tay ta...”.

(Lời phát biểu tại Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khoá I, kỳ họp thứ sáu; Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.287, 289)

*** Tính chất Nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến pháp**

“...Tính chất Nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến pháp. Đó là vấn đề nội dung giai cấp của chính quyền. Chính quyền

về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai? Điều đó quyết định toàn bộ nội dung của Hiến pháp...

...Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình...

...Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương.

Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ. Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành pháp luật và nghị quyết của Quốc hội, là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Trong thời gian Quốc hội không họp thì Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. Những vấn đề quan trọng nhất của Nhà nước trong phạm vi toàn quốc đều do Quốc hội quyết định”.

(Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội Khoá I nước Việt Nam dân chủ cộng hoà; ngày 18-12-1959, Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 586; 590 - 591)

*** Quốc hội phải có... những đại biểu một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân**

“...Quốc hội phải có những đại biểu thật xứng đáng, những đại biểu một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân và phục vụ chủ nghĩa xã hội.

Lựa chọn những đại biểu như vậy là quyền lợi và nghĩa vụ của người cử tri...”.

(Lời phát biểu tại Đại hội nhân dân Thủ đô chào mừng các vị ứng cử Đại biểu Quốc hội tại Hà Nội ra mắt cử tri, ngày 24-4-1960, Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr.130)

*** Ngoài ra, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Quốc hội còn được thể hiện trong hai bản Hiến pháp (1946 và 1959). Đó là những bản Hiến pháp do Người làm Trưởng Ban dự thảo. Những bản Hiến pháp này chứa đựng tư tưởng của Người về vấn đề xây dựng bộ máy nhà nước nói chung và về Quốc hội nói riêng.**

II. CÁC VĂN KIẾN QUAN TRỌNG CỦA ĐẢNG VỀ QUỐC HỘI

*** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI** nhấn mạnh:
“Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng, thể

hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước... Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm *xây dựng pháp luật*. Từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

... Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Trong điều kiện đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật”¹.

*** Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII** nhấn mạnh đến phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân, theo đó:

“...Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị. Đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

Điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ dân trí...”².

Nghị quyết của Đại hội nhấn mạnh đến việc cần tập trung làm tốt công tác:

¹.Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội 1987, tr. 120-121.

². Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 90-91.

“... Sửa đổi Hiến pháp; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, văn hoá, xã hội, về hình sự, dân sự, hành chính, về quyền và nghĩa vụ công dân... Nâng cao trình độ của các cơ quan nhà nước về xây dựng luật pháp, sớm ban hành luật về trình tự xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật, bảo đảm cho Nhà nước quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật...”

Cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân để làm đúng chức năng quy định. Đổi mới tiêu chuẩn đại biểu, chế độ bầu cử và quy chế hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân”¹.

*** Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII** nhấn mạnh nhiệm vụ đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, cụ thể là:

“-Về hoạt động lập pháp: Ban hành các đạo luật cần thiết để điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ưu tiên xây dựng các luật về kinh tế, về các quyền công dân và các luật điều chỉnh công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, các luật điều chỉnh các hoạt động văn hoá, thông tin. Coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, ban hành các văn bản luật với những quy định cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện. Giám đốc các luật, pháp lệnh chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung, muốn thực hiện được phải có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội 1991, tr. 91-92.

- Về hoạt động giám sát: Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân. Xác định rõ phạm vi, nội dung, cơ chế giám sát của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội và của hội đồng nhân dân các cấp; phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau giữa hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm sát của các cơ quan và tổ chức khác. Cùng với việc bảo đảm thực hiện các quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, cần nghiên cứu, hướng dẫn để mọi công dân có điều kiện phát hiện, đề xuất, kiến nghị, giúp cho hoạt động giám sát có hiệu quả”¹.

*** Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX**

“IX. Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế.

...Thực hiện cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 phù hợp với tình hình mới...

...Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, tăng cường pháp

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 130 - 131.

chế. Hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn, cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở phát huy dân chủ...”¹.

“2. Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như sử dụng vốn và tài sản nhà nước, chống tham nhũng, quan liêu.

Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới...”².

“... Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử,

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.48 - 49, 132-133.

². Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.48 - 49, 132-133.

về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thật sự phát huy dân chủ. Tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Xây dựng Luật trung cầu ý dân...”¹.

“... *Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật* phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành phù hợp với yêu cầu thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các luật: Luật thương mại, Luật phá sản doanh nghiệp, Bộ luật lao động, Luật các tổ chức tín dụng, Luật ngân sách nhà nước, Luật đất đai... Xây dựng một số luật mới như: Luật doanh nghiệp, trên cơ sở thống nhất Luật doanh nghiệp nhà nước và Luật doanh nghiệp hiện hành; Luật đầu tư, trên cơ sở thống nhất Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Luật khuyến khích đầu tư trong nước; Luật khuyến khích cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh... Đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng luật, ban hành và thực thi pháp luật, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành luật một cách nghiêm minh...”².

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 134.

². Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 329-330.

ương khoá IX của Đảng xác định: “Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp của Quốc hội để nâng cao chất lượng của các luật, pháp lệnh; hoàn thiện quy chế về vai trò, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội chuyên trách; tổ chức chặt chẽ và hiệu quả công tác giám sát tối cao. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan của Quốc hội...Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Quốc hội...”¹.

Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong cả nước bầu ra Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được tổ chức vào ngày 6-1-1946. Chính vì thế, trong phiên họp thứ 26, ngày 24-2-2005, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI đã quyết định lấy ngày 6-1-2006 làm Ngày kỷ niệm 60 năm Quốc hội Việt Nam và đã ban hành Kế hoạch số 343/KH-UBTVQH11 ngày 6-5-2005 về việc Tổ chức kỷ niệm 60 năm Quốc hội Việt Nam (6-1-1946 - 6-1-2006).

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 204-205. tr. 204-205.

Phần thứ hai

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA QUỐC HỘI

I. TỪ QUỐC DÂN ĐẠI HỘI TÂN TRÀO ĐẾN CUỘC TỔNG TUYỂN CỬ ĐẦU TIÊN (6-1-1946)

1. Quốc dân Đại hội Tân Trào

Tháng 10-1944, trước sự chuyển biến của tình hình thế giới có lợi cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho quốc dân đồng bào để thông báo chủ trương triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Trong thư có đoạn viết: "... chúng ta phải có một cái cơ cấu đại biểu... do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các

đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang"¹.

Giữa năm 1945, cao trào kháng Nhật cứu nước đang diễn ra sôi nổi, cơ hội ngàn năm có một cho nhân dân ta giải phóng dân tộc đang đến gần, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị phải gấp rút triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân để thành lập Chính phủ lâm thời cách mạng của nước Việt Nam. Người cân nhắc rất kỹ giá trị của thời gian, mỗi ngày, mỗi giờ trong lúc thời cuộc đại chuyển biến. Lúc bấy giờ, theo Người, chậm trễ là bỏ lỡ nhiều cơ hội thuận lợi.

Vì vậy, giữa tháng 8-1945, khi chủ nghĩa phát xít tuyên bố đầu hàng các nước Đồng minh không điều kiện và lực lượng cách mạng Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong cả nước, trước thời cơ có một không hai để giải phóng dân tộc, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 để quyết định phát động lệnh Tổng khởi nghĩa và Quốc dân đại hội cũng đã được tiến hành trong bối cảnh đó.

Chiều ngày 16-8-1945, tại đình Tân Trào (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng bộ Việt Minh đã khai mạc Đại hội đại biểu quốc dân (nay gọi là Quốc dân Đại hội Tân Trào). Tham dự Đại hội có hơn 60 đại biểu đại diện cho cả 3 miền Bắc - Trung - Nam, đại diện cho

¹. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 505.

các ngành, các giới, các dân tộc, các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc và một số kiều bào ta ở nước ngoài (Thái Lan và Lào). Đại hội tiến hành trong khi lệnh Tổng khởi nghĩa vừa phát đi, cho nên phải họp khẩn trương, “chớp nhoáng” để các đại biểu có thể về cùng các chiến sĩ ở địa phương lãnh đạo khởi nghĩa.

Đại hội đại biểu quốc dân đã có ba quyết định lớn:

- Nhất trí tán thành chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa của Đảng và của Tổng bộ Việt Minh;

- Thông qua 10 chính sách của Việt Minh và hiệu triệu đồng bào tích cực phấn đấu thực hiện, trong đó, điểm mấu chốt đầu tiên là giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập;

- Thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trần Huy Liệu làm Phó Chủ tịch. Thường trực Ủy ban gồm 5 người: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng và Dương Đức Hiền.

Đại hội bế mạc vào ngày 17-8-1945. Trong buổi lễ bế mạc, ra mắt quốc dân tại đình Tân Trào, thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc lời tuyên thệ: “Chúng tôi là những người được Quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù

phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, không lùi bước"¹.

Quốc dân Đại hội Tân Trào là một tiến bộ lớn trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc ta, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đánh giá. Đây là một Đại hội mang tầm vóc lịch sử của một Quốc hội, một cơ quan quyền lực nhà nước lâm thời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ủy ban dân tộc giải phóng (tức Chính phủ cách mạng lâm thời) của nước Việt Nam mới được Quốc dân Đại hội bầu ra ngày 16-8-1945 là người đại diện chân chính, hợp pháp duy nhất của nhân dân Việt Nam để thực hiện những quyết sách lớn của công cuộc cứu nước và kiến quốc. Đây là thắng lợi lớn của nghệ thuật chớp đúng thời cơ của Tổng bộ Việt Minh, của Chủ tịch Hồ Chí Minh; là sự sáng tạo độc đáo của Người trong việc vận dụng và thực thi từng bước tư tưởng dân quyền ngay trong tiến trình đấu tranh giành quyền độc lập bằng hình thức tổ chức Quốc dân Đại hội để thông qua quyết sách chuyển xoay vận nước bằng Tổng khởi nghĩa, xóa bỏ chế độ nô dịch thực dân, thi hành chính sách 10 điểm của Việt Minh, đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho một chế độ mới.

Quốc dân Đại hội Tân Trào họp ngày 16 và 17-8-1945, là mốc son chói lọi mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc và có giá trị vĩnh hằng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định khi nói về sự kiện này:

“Vừa đây Việt Minh lại triệu tập "Việt Nam quốc dân đại

¹. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.2, tr. 263.

biểu Đại hội", cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam để lãnh đạo toàn quốc nhân dân kiên quyết đấu tranh kỳ cho nước được độc lập.

Đó là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Đó là một điều khiến cho đồng bào ta phấn khởi và riêng tôi hết sức vui mừng"¹.

Như vậy, kể từ Bản yêu sách của nhân dân An Nam (năm 1919) đến Quốc dân Đại hội Tân Trào (năm 1945), tư tưởng về xây dựng một nhà nước pháp quyền trong Hồ Chí Minh đã được cụ thể hóa từng bước, với những việc làm cụ thể từ thấp đến cao, từng bước chuẩn bị tiền đề từ nhận thức đến hành động để đi đến thắng lợi cuối cùng, đó là bước đi hợp quy luật, điều này đã trở thành bài học quý báu cần được vận dụng sáng tạo trong sự nghiệp đổi mới nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

2. Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945

Thực hiện Nghị quyết Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Quốc dân đại hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước, triệu người như một, nhất tề nổi dậy với ý chí “dù có hy sinh đến đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng

¹. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 553.

quyết tâm giành cho được chính quyền trong toàn quốc”.

Cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng giành được thắng lợi, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội (ngày 19-8), Huế (ngày 23-8); Sài Gòn (ngày 25-8). Chính quyền trong cả nước đã thuộc về nhân dân. Vua Bảo Đại xin thoái vị để “được làm dân tự do của một nước độc lập”.

Ngày 25-8-1945, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng do Quốc dân Đại hội Tân Trào cử ra được cải tổ thành Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong lời tuyên cáo của Chính phủ ngày 27-8-1945 đã nói rõ: “... Chính phủ lâm thời thật là một Chính phủ quốc gia thống nhất, giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn thể đời ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ cộng hòa chính thức”.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, trước cuộc mít tinh của hàng chục vạn đồng bào Thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với quốc dân và thế giới: “Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời” - một kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam bắt đầu: Kỷ nguyên độc lập - tự do.

3. Những quyết định đi đến ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946

Để bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để củng cố và tăng cường chính quyền là phải thực hiện quyền dân chủ cho quần chúng, phải

xúc tiến việc bầu Quốc hội để quy định Hiến pháp, bầu Chính phủ chính thức. Vì vậy, ngày 3-9-1945, tức là một ngày sau khi Nhà nước cách mạng ra đời, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng tốt cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu.

Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra Sắc lệnh số 14-SL về cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội. Sắc lệnh ghi rõ: “Chiều theo Nghị quyết của Quốc dân Đại hội ngày 16, 17-8-1945 tại khu giải phóng, ấn định rằng nước Việt Nam sẽ theo chính thể dân chủ cộng hòa và chính phủ nhân dân toàn quốc sẽ do một Quốc dân đại hội bầu theo lối phổ thông đầu phiếu cử lên”.

Để xúc tiến công việc chuẩn bị cụ thể cho cuộc Tổng tuyển cử, ngày 26-9-1945, Chính phủ lâm thời ban hành Sắc lệnh số 39-SL về thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ cuộc Tổng tuyển cử và Sắc lệnh số 51-SL, ngày 17-10-1945 quy định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử phải thực hiện theo lối phổ thông đầu phiếu, bầu cử trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Công việc chuẩn bị Tổng tuyển cử diễn ra trong điều kiện giặc ngoài, thù trong, tình hình kinh tế - xã hội hết sức khó khăn, việc Chính phủ lâm thời ban hành một loạt các sắc lệnh đã thể hiện sự cố gắng hết sức để cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên giành thắng lợi. Do hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, cuộc Tổng tuyển cử này không chỉ là một cuộc vận động chính trị thông thường, mà thực chất là một cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp và dân tộc vô cùng gay go, phức tạp và

không kém phần quyết liệt.

Các báo *Cứu quốc*, *Sự thật*, *Tiền phong* đã tích cực đấu tranh vạch trần những luận điệu xảo trá của các thế lực phản động, hướng dẫn dư luận, cổ vũ quần chúng tích cực tham gia Tổng tuyển cử, vì Tổng tuyển cử là thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Chỉ có Tổng tuyển cử mới có dịp để cho dân chúng chọn người đại diện chân chính và trung thành của toàn thể quốc dân, cũng chỉ có Tổng tuyển cử mới có một cơ quan quyền lực cao nhất đủ thẩm quyền để ban hành cho nước Việt Nam một Hiến pháp ấn định rõ ràng quyền lợi của quốc dân và của Chính phủ. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà... Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết”¹.

Cuộc Tổng tuyển cử lúc đầu được dự kiến là ngày 23-12-1945. Để thực hiện chủ trương thống nhất và hòa giải, đồng thời, để có thêm thời gian cho công tác chuẩn bị, nhất là để các ứng cử viên có điều kiện nộp đơn và vận động tranh cử, ngày 18-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh hoãn cuộc Tổng tuyển cử đến ngày chủ nhật, 6-1-1946.

Qua quá trình đấu tranh thương lượng và nhân nhượng, Việt Nam Quốc dân đảng (Việt quốc) đã thỏa thuận hợp tác với Chính phủ và ủng hộ cuộc Tổng tuyển cử. Trên cơ sở đó, ngày 24-12-1945, đại biểu của Việt Minh, Việt quốc, Việt

¹. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 133.

cách (Việt Nam cách mạng Đồng minh hội) đã gặp nhau và cùng ký bản “Biện pháp đoàn kết”, trong đó có điều khoản ủng hộ Tổng tuyển cử và kháng chiến, nhất trí về việc mở rộng Chính phủ lâm thời có đại diện của Việt quốc, Việt cách tham gia, thừa nhận 70 ghế cho họ trong Quốc hội mà không qua bầu cử. Đây là một sách lược hết sức mềm dẻo và khôn khéo của Mặt trận Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm cô lập bọn phản động và hạn chế sự chống phá điên cuồng của chúng.

Ngày 1-1-1946, Chính phủ lâm thời đã cải tổ thành Chính phủ liên hiệp lâm thời, mở rộng thêm thành phần Chính phủ để thực hiện mục tiêu lớn là làm cho cuộc toàn dân tuyển cử được thành công tốt đẹp và chuẩn bị sẵn sàng việc khai Quốc hội.

Cùng với quá trình đấu tranh hòa hoãn, nhân nhượng với các đảng phái đối lập để tạo sự thống nhất, Chính phủ lâm thời đã nhanh chóng tổ chức soạn thảo Hiến pháp và triển khai sâu rộng công tác chuẩn bị Tổng tuyển cử trong cả nước, coi đó là một cuộc vận động chính trị hết sức rộng lớn của toàn dân.

Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu, trong đó có đoạn: “...Ngày mai, là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình...”¹.

Báo *Quốc hội* số đặc biệt ngày 6-1-1946 đã dành khổ lớn

¹. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 145.

trên trang nhất để in ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng bút tích của Người: “Khuyên đồng bào nam nữ 18 tuổi trở lên hôm nay tất cả đều đi bỏ phiếu để bầu những người đại biểu xứng đáng vào Quốc hội đầu tiên của nước ta”.

Cuộc Tổng tuyển cử ở phía Nam diễn ra vào ngày 23-12-1945 (do không kịp nhận lệnh hoãn), còn đại bộ phận cả nước tiến hành Tổng tuyển cử thắng lợi vào ngày 6-1-1946. Đây là một ngày đấu tranh hiểm có trong lịch sử của dân tộc.

4. Một số diễn biến đáng chú ý trong ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946

Cuộc Tổng tuyển cử ở Hà Nội diễn ra tràn đầy phấn khởi và được chuẩn bị tổ chức chu đáo. Có 91,95% cử tri của 74 khu nội thành và 118 làng ngoại thành Hà Nội đã đi bỏ phiếu. Kết quả, 6 trong số 74 ứng cử viên đã trúng cử Đại biểu Quốc hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trúng cử với số phiếu cao nhất (98,4%). ở các địa phương khác trong cả nước, đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam, nhất là ở Nam Bộ, nhân dân đi bỏ phiếu rất đông, bất chấp bom đạn của giặc Pháp. Nhiều nơi nhân dân phải đổi cả xương máu để thực hiện quyền tự do, dân chủ của mình...

Tất cả 71 tỉnh, thành có 89% tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu; phổ biến là 80%, nhiều nơi đạt 95%. Trừ một vài nơi phải bầu cử bổ sung, tuyệt đại đa số các địa phương chỉ bầu một lần. Cả nước đã bầu được 333 đại biểu, trong đó có 57% số đại biểu của các đảng phái khác nhau; 43% số đại biểu không đảng phái; 87% số đại biểu là công nhân, nông dân, chiến sĩ cách mạng; 10 đại biểu nữ và 34 đại biểu dân tộc thiểu số.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 được tiến hành theo những nguyên tắc dân chủ, tiến bộ nhất, đó là: phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 đánh dấu mốc phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế dân chủ của nước Việt Nam.

5. ý nghĩa của kết quả bầu cử Quốc hội đầu tiên và việc ra đời của Quốc hội

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử phát triển của thể chế chính trị ở Việt Nam, đó là thời kỳ nước ta có một Quốc hội dân tộc thống nhất, một Chính phủ liên hiệp kháng chiến có đầy đủ tư cách pháp lý đại diện cho nhân dân toàn quốc đảm đương nhiệm vụ đối nội và đối ngoại.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân là “kết quả của sự hy sinh, tranh đấu của tổ tiên ta, nó là kết quả của sự đoàn kết anh dũng phấn đấu của toàn thể đồng bào Việt Nam ta, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già, trẻ, lớn, bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, hy sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc”¹.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử đã khẳng định niềm tin tuyệt đối của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Đồng thời, đó cũng là sự biểu thị khát vọng dân chủ của nhân dân và sức mạnh của khối đại đoàn kết

¹. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr. 189.

toàn dân, đập tan âm mưu đen tối của các thế lực phản động âm mưu tiêu diệt cách mạng Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh chính trị và ngoại giao của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đã khẳng định: “Cuộc Tổng tuyển cử thắng lợi, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam ra đời... Đây chính là kết quả của sự gắn bó máu thịt và niềm tin sắt đá của các tầng lớp nhân dân trong cả nước đối với Đảng, Bác Hồ và chính quyền còn non trẻ của chúng ta, là mốc son chói lọi, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế dân chủ của nước Việt Nam”.

II. BẢN HIẾN PHÁP ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Vừa mới ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ở vào một tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Vận mệnh của Tổ quốc, nền độc lập của dân tộc vừa mới giành được đang đứng trước nguy cơ mất còn. Vì vậy, ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Hồ Chủ tịch đã xác định, một trong những nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ là phải xây dựng cho được một bản Hiến pháp. Người chỉ rõ: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp

dân chủ”¹.

Tháng 11-1945, bản Dự án Hiến pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã được Chính phủ soạn thảo và được công bố để lấy ý kiến các chính giới. Ủy ban kiến quốc của Chính phủ cũng đã tự nghiên cứu và đưa ra một Dự thảo Hiến pháp.

Ngày 2-3-1946, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa I, Quốc hội đã bầu Ban Dự thảo Hiến pháp gồm 11 người: Trần Duy Hưng, Tôn Quang Phiệt, Đỗ Đức Dục, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Huỳnh Bá Nhung, Trần Tấn Thọ, Nguyễn Cao Hách, Đào Hữu Dương, Phạm Gia Đỗ, Nguyễn Thị Thục Viên.

Nhiệm vụ của Ban là tiếp tục nghiên cứu Dự thảo Hiến pháp để phiên họp sau đem trình trước Ban Thường trực để Ban Thường trực trình Quốc hội. Căn cứ vào bản Dự án của Chính phủ và đối chiếu với bản Dự thảo của Ủy ban kiến quốc, tập hợp những kiến nghị phong phú của toàn dân và tham khảo kinh nghiệm soạn Hiến pháp của các nước ở châu Á, châu Âu, Ban Dự thảo Hiến pháp của Quốc hội đã soạn thảo một Dự án Hiến pháp để trình Quốc hội.

Trong phiên họp ngày 29-10-1946, Ban Dự thảo Hiến pháp của Quốc hội được mở rộng thêm 10 vị đại biểu cho các nhóm, đại biểu trung lập, đại biểu Nam Bộ, đại biểu đồng bào dân tộc thiểu số để tham gia tu bổ thêm bản Dự án.

Tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I, từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946, lần đầu tiên Quốc hội Việt Nam thực hiện quyền lập hiến. Từ ngày 2-11-1946, Quốc hội bắt đầu thảo

¹. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.8.

luận về Dự án Hiến pháp. Các đại biểu của các nhóm đảng trong Quốc hội đã lần lượt phát biểu ý kiến. Các vị đại biểu của các nhóm đều đã nêu ra những ưu điểm của Dự án Hiến pháp, đóng góp thêm một số khía cạnh cụ thể và đi đến thống nhất nội dung của Dự án. Sau nhiều buổi thảo luận và tranh luận sôi nổi, sửa đổi, bổ sung cho từng điều cụ thể, ngày 9-11-1946, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hiến pháp 1946 với sự nhất trí của 240/242 đại biểu dự họp.

Tuy bản Hiến pháp đã được thông qua, nhưng do hoàn cảnh chiến tranh đang lan rộng, cho nên Quốc hội đã biểu quyết chưa ban hành Hiến pháp bằng một sắc lệnh và chưa thi hành Hiến pháp ngay, việc bầu Nghị viện nhân dân theo quy định của Hiến pháp chưa thể tổ chức được.

Vì vậy, Quốc hội tiếp tục thảo luận để xác định nhiệm vụ của Ban Thường trực Quốc hội và cuối cùng đã nhất trí giao cho Ban Thường trực Quốc hội phối hợp với Chính phủ để quy định việc thi hành Hiến pháp. Trong thời kỳ chưa thi hành Hiến pháp thì Chính phủ phải dựa vào những nguyên tắc đã định trong Hiến pháp để ban hành các đạo luật. Với các quyết định trên, Quốc hội tiếp tục hoạt động, gánh vác trách nhiệm mới, làm nhiệm vụ lập hiến và cả nhiệm vụ lập pháp.

Hiến pháp 1946 gồm có Lời nói đầu, 7 chương và 70 điều. Trong đó, Chương I quy định về chính thể; Chương II quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của công dân; Chương III quy định về nghị viện nhân dân; Chương IV quy định về Chính phủ; Chương V quy định về Hội đồng nhân dân và Ủy ban

hành chính; Chương VI quy định về cơ quan tư pháp; và Chương VII quy định về sửa đổi Hiến pháp.

Đặc điểm cơ bản của Hiến pháp năm 1946 được thể hiện trong 3 nguyên tắc cơ bản, đó là: đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo; đảm bảo các quyền lợi dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Điều luật thể hiện rõ nhất nguyên tắc đoàn kết toàn dân là Điều 1 của Hiến pháp, đó là: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Đây là một bước tiến lớn trong lịch sử phát triển của Nhà nước Việt Nam: lần đầu tiên một Nhà nước dân chủ nhân dân được thành lập ở nước ta, với hình thức chính thể là cộng hòa.

Hiến pháp năm 1946 chú trọng đặc biệt đến việc bảo đảm quyền lợi dân chủ cho nhân dân. Hiến pháp đã xây dựng một chương riêng về chế định công dân. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, nhân dân được bảo đảm các quyền tự do dân chủ. Điều 10 Hiến pháp ghi nhận: “Công dân Việt Nam có quyền:

- Tự do ngôn luận,
- Tự do xuất bản,
- Tự do tổ chức và hội họp,
- Tự do tín ngưỡng,

- Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài”. Đây cũng là lần đầu tiên Nhà nước Việt Nam ghi nhận phụ nữ ngang quyền với nam giới trong mọi phương diện và mọi công

dân đều bình đẳng trước pháp luật

Hiến pháp năm 1946 khẳng định Nghị viện nhân dân (Quốc hội) là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà do công dân Việt Nam bầu ra và có nhiệm vụ giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài.

Nghị viện không chỉ thay mặt cho địa phương mình mà còn thay mặt cho toàn thể nhân dân. Nghị viện nhân dân có quyền bổ phiếu bầu Chủ tịch nước; bầu cử Thủ tướng và các bộ trưởng và chế độ trách nhiệm của Thủ tướng, bộ trưởng trước Nghị viện nhân dân.

Hiến pháp năm 1946 quy định Nghị viện nhân dân bầu một Nghị trưởng, hai Phó Nghị trưởng, 12 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết để lập thành Ban Thường vụ.

Đánh giá về ý nghĩa của việc ban hành bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "... bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà... là một vết tích lịch sử Hiến pháp đầu tiên trong cõi á Đông... Bản Hiến pháp đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do... phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của

các giai cấp"¹.

Hiến pháp năm 1946 đánh dấu thắng lợi lịch sử đã giành được trong Cách mạng Tháng Tám, xác lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, phát triển cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp. Mục tiêu chiến lược của Hiến pháp là hoàn thành độc lập dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ nhân dân, chuẩn bị tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp 1946 là bản hiến pháp đầu tiên của nước ta, là một bản hiến pháp dân chủ, tiến bộ không kém một bản hiến pháp nào trên thế giới. Nó là bản hiến pháp mẫu mực trên nhiều phương diện.

III. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Vị trí, vai trò của Quốc hội được thể hiện ở hai đặc điểm: Quốc hội là cơ quan đại diện dân cử cao nhất của nhân dân và đồng thời, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của đất nước.

1. Quốc hội là cơ quan đại diện dân cử cao nhất

Tính đại diện cao nhất của Quốc hội nước ta thể hiện trên ba yếu tố: (a) Quốc hội có cơ cấu thành phần đại biểu đại diện rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân; (b) Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình dựa vào sự tín nhiệm của nhân

¹. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr. 440.

dân, do nhân dân uỷ quyền và (c) Quốc hội chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Quốc hội do toàn dân bầu ra, có cơ cấu thành phần phản ánh sự đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp, dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam”¹; “Quốc hội là tiêu biểu cho ý chí thống nhất của dân tộc ta, một ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi”².

Quốc hội là cơ quan duy nhất do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Nói cách khác, nhân dân uỷ quyền cho các đại biểu Quốc hội thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn mà nhân dân giao phó.

Tính đại diện của Quốc hội còn thể hiện ở việc Quốc hội chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đây là mối quan hệ ràng buộc hai chiều giữa đại biểu Quốc hội với nhân dân. Bắt nguồn từ nhân dân và được sự tín nhiệm của nhân dân, các đại biểu Quốc hội có trách nhiệm gần gũi, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân; phải xuất phát từ lợi ích của đông đảo nhân dân để quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội.

Điều 8 Hiến pháp năm 1992 quy định các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước “phải tôn trọng nhân dân,

¹. Hồ Chí Minh, *Sdd*, t.4, tr. 189; t.7, tr. 497.

². Hồ Chí Minh, *Sdd*, t.4, tr. 189; t.7, tr. 497.

lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng”.

Quốc hội và các đại biểu Quốc hội chịu sự giám sát của nhân dân thông qua việc bảo đảm cho nhân dân theo dõi quá trình làm việc của Quốc hội (như tham dự các phiên họp, nghe chất vấn và trả lời chất vấn), thông qua việc đại biểu Quốc hội phải báo cáo hoạt động tại đơn vị đã bầu cử mình.

2. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

Tính quyền lực nhà nước của Quốc hội thể hiện ở thẩm quyền của Quốc hội và được cụ thể hoá thành các chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội được quy định trong các bản Hiến pháp của nước ta.

Theo Hiến pháp năm 1992, Quốc hội nước ta có ba chức năng: lập hiến và lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; và giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Chức năng lập hiến và lập pháp

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền thông qua Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, thông qua luật và sửa đổi luật. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, quy định các vấn đề quan trọng nhất về quyền lực Nhà nước và cách thức tổ chức quyền lực Nhà nước, về chế độ chính trị, chế độ văn hoá - xã hội, về cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, về quan hệ giữa

Nhà nước và cá nhân, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân... Hiến pháp và luật thể hiện đường lối cơ bản và những chủ trương lớn của Đảng đã được Nhà nước thể chế hoá và có hiệu lực thi hành trên toàn lãnh thổ nước ta. Luật là văn bản có hiệu lực pháp lý sau Hiến pháp.

Các quy phạm pháp luật khác do các cơ quan nhà nước ban hành phải căn cứ vào Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và không được trái với tinh thần, nội dung của Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội.

Chức năng quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước

Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, quy định những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân.

Những vấn đề quan trọng của đất nước do Quốc hội quyết định gồm có: (i) *về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước ở Trung ương*: Quốc hội bầu, miễn nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội, thành lập Chính phủ, bầu Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định thành lập, bãi bỏ các bộ và các cơ quan ngang bộ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; (ii) *về lĩnh vực kinh tế - xã hội*: Quốc hội quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chính

sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ ngân sách Trung ương; chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, quyết định đại xá, hàm cấp trong các lực lượng vũ trang; (iii) *về vấn đề chiến tranh và hoà bình*, Quốc hội quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia; và (iv) *về đối ngoại*, Quốc hội phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia.

Chức năng giám sát tối cao của Quốc hội

Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước nhằm bảo đảm cho mọi hoạt động của Nhà nước đúng pháp luật, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đối tượng giám sát của Quốc hội là việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; hoạt động của các cơ quan nhà nước ở Trung ương là Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Các cơ quan này chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Những người do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn phạm sai lầm sẽ bị Quốc hội xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Quốc hội hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Các vấn đề được Quốc hội quyết định đều phải được tập thể các đại biểu Quốc hội xem xét và chỉ được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, trừ trường hợp sửa đổi Hiến pháp thì phải có hai phần ba tổng số đại biểu tán thành.

Hiến pháp năm 1992 quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, trong đó phải kể đến nguyên tắc tập trung dân chủ mà nội dung của nguyên tắc này là quyền lực Nhà nước phải được triển khai thống nhất, xuyên suốt... và quyền lực đó phải chịu sự kiểm soát của nhân dân hay của các cơ quan đại diện.

Trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước, mối quan hệ giữa Quốc hội và các thiết chế nhà nước khác được xác định ở chỗ: Quốc hội có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm những người đứng đầu các cơ quan nhà nước khác; nhiệm kỳ hoạt động của các cơ quan nhà nước do Quốc hội thành lập là theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Do được Quốc hội bầu và có thể bị Quốc hội bãi miễn, nên có thể thấy rằng sự tồn tại của chính các cơ quan nhà nước khác ở Trung ương phụ thuộc vào sự tín nhiệm của Quốc hội. Mặt khác, mỗi cơ quan nhà nước khi được thành lập có phạm vi thẩm quyền nhất định và có tính độc lập trong việc tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn được giao đó.

IV. CÁC THỜI KỲ PHÁT TRIỂN CỦA QUỐC HỘI

Trong quá trình hình thành và phát triển của mình, Quốc hội đã trải qua gần XI khóa hoạt động và có thể chia thành bốn thời kỳ căn cứ vào bốn bản Hiến pháp mà Quốc hội đã ban hành, như sau:

1. Thời kỳ 1946-1960

Quốc hội khóa I (1946-1960) với 12 kỳ họp đã có những đóng góp to lớn vào việc xây dựng nhà nước dân chủ cộng hòa từ những năm tháng đầu tiên sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công. Quốc hội đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thành công sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Từ năm 1954 đến năm 1960, Quốc hội đã phát huy vai trò của mình trong sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà theo quy định của Hiệp định Giơnevơ. Những năm đầu sau khi hòa bình lập lại, Quốc hội cũng đã thông qua các kế hoạch khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, đưa miền Bắc tiến dần từng bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, tạo thế và lực cho cách mạng miền Nam tiến lên, đánh bại chiến tranh đơn phương của Mỹ và tay sai.

Trong nhiệm kỳ 14 năm hoạt động, Quốc hội khoá I đã xem xét và thông qua bản Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959, 11 đạo luật và 50 nghị quyết. Luật cải cách ruộng đất được thông qua tại kỳ họp thứ 3 (năm 1953) là văn bản có ý nghĩa quan trọng nhằm xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, thực hiện chính sách “người cày có ruộng” và chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân. Đến kỳ họp thứ 6 vào năm 1957, Quốc hội đã thông qua Luật quy định quyền tự do hội họp, Luật quy định quyền lập hội, Luật bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật và thư tín của nhân dân và Luật về chế độ báo

chí. Đây là những đạo luật quy định những quyền tự do rất cơ bản của người dân.

Trong thời kỳ này, Quốc hội đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc thành lập Chính phủ hợp hiến, hợp pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và “trao quyền bính cho chính quyền ấy”, bảo đảm cho Chính phủ đủ uy tín, hiệu lực để tổ chức nhân dân kháng chiến, kiến quốc, thực hiện mọi chức năng đối nội và đối ngoại.

Ngay từ những ngày đầu khi vừa giành được chính quyền, hoạt động đối ngoại của Quốc hội đã góp phần quan trọng vào hoạt động đối ngoại chung của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Quốc hội đã nhất trí để Chính phủ ký với Pháp Hiệp định sơ bộ vào ngày 6-3-1946. Sau đó, Quốc hội đã cử một đoàn đại biểu gồm 10 người do Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm Pháp để làm cho nhân dân Pháp hiểu rõ hơn cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của Việt Nam.

Trong thời kỳ này Ban Thường vụ Quốc hội đã có mối quan hệ và cử các đoàn đi thăm một số nước xã hội chủ nghĩa anh em; cùng Chính phủ thống nhất cử Đoàn đại biểu của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu tham dự Hội nghị Giơnevơ, có ý kiến chỉ đạo thích hợp và cùng Chính phủ quyết định việc ký Hiệp định đình chiến, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Sau ngày hòa bình lập lại, hoạt động đối ngoại của Quốc hội đã tập trung vào việc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, phát triển và củng cố tình hữu nghị, đoàn kết giữa Việt Nam với các nước xã hội

chủ nghĩa.

Đánh giá về công lao to lớn của Quốc hội khóa I, tại kỳ họp thứ 12, kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa I, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Quốc hội ta đã hết lòng vì dân vì nước, đã làm trọn một cách vẻ vang nhiệm vụ của những người đại biểu của nhân dân”.

2. Thời kỳ 1960-1980

Trong thời kỳ này, Quốc hội hoạt động theo Hiến pháp 1959, được Quốc hội thông qua ngày 31-12-1959 và đã trải qua 5 khóa hoạt động: Quốc hội khóa II (1960-1964); khóa III (1964-1971); khóa IV (1971-1975) và khóa V (1975-1976) diễn ra trong điều kiện đất nước bị chia cắt. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), kể từ khóa VI (1976-1981), Quốc hội trở thành Quốc hội chung của cả nước Việt Nam thống nhất.

Hiến pháp 1959 quy định rõ ràng và đầy đủ hơn trước về vị trí, vai trò của Quốc hội. Theo đó, Quốc hội có 17 nhiệm vụ, quyền hạn như: làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm pháp luật; giám sát việc thi hành Hiến pháp, v.v..

Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội do Quốc hội bầu ra, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực thi 18 loại quyền hạn, nhiệm vụ như tuyên bố và chủ trì việc tuyển cử đại biểu Quốc hội; triệu tập Quốc hội; giám sát công tác của Hội đồng Chính phủ, của Tòa án Nhân dân tối cao và của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao... Ủy ban Thường vụ Quốc

hội có nhiều quyền hạn mới mà trước đây Ban Thường vụ theo Hiến pháp 1946 không có, như: quyền giải thích pháp luật, quyền ra pháp lệnh, quyền quyết định việc trưng cầu dân ý...

Cơ cấu tổ chức của Quốc hội được quy định trong Hiến pháp 1959 bao gồm Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Dự án pháp luật, Ủy ban Kế hoạch và ngân sách và những Ủy ban khác mà Quốc hội xét thấy cần thiết để giúp Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo quy định của Hiến pháp năm 1959, trong thời kỳ này, nhiệm kỳ của Quốc hội là 4 năm.

Quốc hội khóa II (1960 - 1964) được bầu ngày 8-5-1960 có 362 đại biểu trúng cử cùng với 91 đại biểu Quốc hội miền Nam được lưu nhiệm theo Nghị quyết của kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa I. Nhiệm kỳ Quốc hội khóa II là 4 năm và Quốc hội đã có 8 kỳ họp.

Quốc hội khóa II đã bầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 6 Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, 14 ủy viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết. Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa II, ngoài hai Ủy ban mà Quốc hội đã thành lập theo quy định của Hiến pháp 1959, Quốc hội đã thành lập thêm Ủy ban Thống nhất (1963).

Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội đã phát huy vai trò quan trọng của mình trong việc động viên sức người, sức của để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Quốc hội khóa II đã ban hành 6 đạo luật quan trọng để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ở miền Bắc như Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức

Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp... Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 9 pháp lệnh như Pháp lệnh về việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Pháp lệnh quy định cụ thể về tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Pháp lệnh quy định chế độ phục vụ của sĩ quan công an nhân dân vũ trang, Pháp lệnh quy định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy...

Quốc hội đã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), thông qua Cương lĩnh hành động của toàn dân nhằm thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; phê chuẩn việc thành lập các tổ chức và cơ quan nhà nước, bổ nhiệm các cán bộ cấp cao của Nhà nước, phê chuẩn việc khen thưởng và đã tích cực giải quyết các đơn thư, khiếu tố của nhân dân, ân xá những phạm nhân đã cải tạo tốt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Quốc hội khóa II này là *Quốc hội xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà*”¹.

Quốc hội khóa III (1964-1971) có 455 đại biểu, trong đó có 366 đại biểu được bầu ngày 26-4-1964 và 89 đại biểu Quốc hội khóa I thuộc các tỉnh miền Nam được lưu nhiệm. Quốc hội đã bầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội do đồng chí Trường Chinh

¹. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 172.

làm Chủ tịch, 6 Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, 15 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết và Ban Thư ký gồm 4 vị. Quốc hội thành lập 5 ủy ban: Ủy ban Dự án pháp luật, Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Thống nhất và Ủy ban Văn hóa - xã hội.

Quốc hội khoá III đã góp phần quan trọng trong việc động viên nhân dân cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, tích cực chi viện cho cuộc kháng chiến của quân và dân ta nhằm đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ trên chiến trường miền Nam và tích cực làm nghĩa vụ quốc tế đối với cuộc chiến đấu của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào anh em. Đặc biệt, năm 1965, khi đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc bằng không quân và hải quân, tại phiên họp ngày 10-4-1965, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội một số quyền hạn trong tình hình mới. Theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền quyết định thông qua kế hoạch nhà nước, ngân sách, nhân sự cấp cao, tổ chức hành chính... Quốc hội đã ra nhiều nghị quyết, tuyên bố về tội ác và âm mưu của đế quốc Mỹ, đòi chấm dứt chiến tranh.

Do hoàn cảnh chiến tranh, nhiệm kỳ Quốc hội khóa III đã kéo dài 7 năm và chỉ có 7 kỳ họp; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp 95 lần, thông qua rất nhiều nghị quyết về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, đối ngoại, về tổ chức hành chính, về nhân sự phục vụ sự nghiệp xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà và các kế hoạch, nhiệm vụ

chuyên hướng kinh tế trong thời chiến; điều chỉnh bộ máy tổ chức của Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Đồng thời, mối quan hệ giữa Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Chính phủ không ngừng được tăng cường, là điều kiện quan trọng bảo đảm động viên kịp thời sức người, sức của cho cuộc kháng chiến của dân tộc ta. Quốc hội và Chính phủ đã động viên nhân dân phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vượt qua mọi hy sinh gian khổ, tích cực xây dựng miền Bắc, hết lòng chi viện kịp thời và ngày càng lớn cho miền Nam, đánh bại các kiểu chiến tranh của đế quốc Mỹ và chư hầu.

Vai trò của Quốc hội còn được thể hiện qua việc mở rộng quan hệ đối ngoại của Quốc hội nước ta với Quốc hội các nước xã hội chủ nghĩa anh em, bè bạn trên thế giới nhằm tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, tạo thành sức mạnh tổng hợp để tiến hành cuộc kháng chiến chống giặc Mỹ xâm lược.

Quốc hội khóa IV (1971-1975) có 420 đại biểu được bầu ngày 11-4-1971 với nhiệm kỳ bốn năm và đã có 5 kỳ họp. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội có Ủy ban Thường vụ Quốc hội do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 5 Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, 17 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết và Ban Thư ký gồm 6 thành viên. Quốc hội thành lập 6 ủy ban: Ủy ban Dự án pháp luật, Ủy ban Kế hoạch và ngân sách, Ủy ban Thống nhất, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Văn hóa - xã hội và Ủy

ban Đối ngoại.

Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng về phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu của các kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế; phê chuẩn các dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, góp phần quan trọng vào việc củng cố và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sức mạnh để đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ, tiêu biểu là trận “Điện Biên Phủ trên không” vào tháng 12-1972 buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam. Quốc hội hoan nghênh và thông qua Nghị quyết về việc ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (1973). Hoạt động của Quốc hội đã góp phần quan trọng trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta nhằm đánh đổ chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất Tổ quốc.

Quốc hội khóa V (1975-1976) có 424 đại biểu, được bầu ngày 6-4-1975, hoạt động chưa tới 2 năm (1975-1976) và có 2 kỳ họp diễn ra trong tình hình miền Nam vừa hoàn toàn giải phóng (30-4-1975).

Cơ cấu tổ chức của Quốc hội có Ủy ban Thường vụ Quốc hội do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 6 Phó Chủ tịch, 11 Ủy viên chính thức và 3 Ủy viên dự khuyết. Quốc hội có 6 ủy ban: Ủy ban Dự án pháp luật, Ủy ban Kế hoạch và ngân sách, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Văn hóa - xã hội, Ủy ban Thống nhất và Ủy ban Đối ngoại.

Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội đã góp phần quan trọng trong việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã long trọng tuyên bố: “Hơn một trăm năm nay, đây là lần đầu tiên trên Tổ quốc thân yêu của chúng ta không còn bóng một tên xâm lược, dân tộc ta hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình. Từ đây nhân dân ta đời đời sống trong độc lập, tự do và hạnh phúc. Đó là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và có tính thời đại của dân tộc Việt Nam ta”...

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có 10 phiên họp, trong đó có phiên họp đặc biệt để thảo luận và thông qua đề án thực hiện thống nhất nước nhà về mặt nhà nước và cử đoàn đại biểu miền Bắc tham dự Hội nghị Hiệp thương với đoàn đại biểu miền Nam. Tại Hội nghị, 22 đại biểu của đoàn miền Bắc và 14 đại biểu của đoàn miền Nam đã khẳng định, “cần hoàn thành thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sự thống nhất trọn vẹn vững chắc nhất”.

Tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội (tháng 12-1975), Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường Chinh đã vui mừng báo cáo kết quả của Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc. Quốc hội đã sôi nổi thảo luận và nhất trí thông qua Nghị quyết phê chuẩn kết quả của Hội nghị Hiệp thương, mở ra thời kỳ phát triển mới của nước Việt Nam thống nhất.

Quốc hội khóa VI (1976-1981) được bầu ngày 25-4-1976 là Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất. Hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đã tham gia cuộc tổng tuyển cử bầu và bầu ra 492 đại biểu của nước Việt Nam độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội bầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 7 Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, 13 Ủy viên chính thức, 2 Ủy viên dự khuyết. Quốc hội thành lập 6 ủy ban: Ủy ban Kế hoạch và ngân sách; Ủy ban Dự án pháp luật; Ủy ban Dân tộc; Ủy ban Văn hóa và giáo dục, Ủy ban Y tế và xã hội; Ủy ban Đối ngoại.

Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã quyết định đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quy định quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, quốc huy mang dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và quốc ca là bài *Tiến quân ca*. Để thể hiện tính liên tục của Nhà nước qua các giai đoạn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Quốc hội đã quy định khóa Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất là Quốc hội khóa VI và chính thức đặt tên cho thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh; quy định Thủ đô của nước Việt Nam thống nhất là Hà Nội. Đồng thời, Quốc hội đã ra Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban Dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong nhiệm kỳ 5 năm (1976-1981), Quốc hội khóa VI đã họp 7 kỳ và ban hành nhiều nghị quyết quan trọng như Nghị quyết thông qua nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980); Nghị quyết phê chuẩn việc phân vạch lại địa giới thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác; Nghị quyết về việc thành lập đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo trực thuộc Trung ương.

Tại kỳ họp thứ 7 (tháng 12-1980), Quốc hội đã thảo luận

và thông qua Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hiến pháp năm 1980 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong nhiệm kỳ này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 5 pháp lệnh: Pháp lệnh về việc xin ân giảm án tử hình và xét duyệt án tử hình; Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Pháp lệnh sửa đổi và bổ sung một số điểm về thuế công thương nghiệp và thuế sát sinh; Pháp lệnh sửa đổi và bổ sung một số điều khoản của Pháp lệnh năm 1961 quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ.

3. Thời kỳ 1980-1992

Đây là thời kỳ Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp năm 1980, theo đó, Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, những mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa, những quy tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội có 15 loại nhiệm vụ và quyền hạn, trong đó có những quyền rất quan trọng như làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, làm luật và sửa đổi luật, thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, quy định kế

hoạch nhà nước và phê chuẩn việc thực hiện kế hoạch nhà nước, quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước... Hiến pháp còn quy định Quốc hội có thể định cho mình những nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi xét thấy cần thiết.

Theo quy định của Hiến pháp 1980, trong thời kỳ này, nhiệm kỳ của Quốc hội là 5 năm.

Hiến pháp 1980 quy định Hội đồng Nhà nước là cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội, là Chủ tịch tập thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hội đồng Nhà nước, thông qua Chủ tịch Hội đồng, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Hội đồng Nhà nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Hiến pháp quy định Hội đồng Nhà nước được bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội, gồm có: Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, các Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước và các ủy viên Hội đồng Nhà nước. Hội đồng Nhà nước có 21 nhiệm vụ và quyền hạn tương tự như quy định của Hiến pháp 1959 đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng có sự ràng buộc và chặt chẽ hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, như quyết định về việc thành lập hoặc bãi bỏ các bộ, các Ủy ban Nhà nước; cử và bãi miễn các Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, các Bộ trưởng, các Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước; tuyên bố tình trạng chiến tranh khi nước nhà bị xâm lược phải trình Quốc hội phê chuẩn trong kỳ họp gần nhất của Quốc hội...

Ngoài ra, Hiến pháp 1980 còn quy định Quốc hội bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội. Số Phó Chủ tịch Quốc hội do Quốc hội định.

Quốc hội khóa VII (1981-1987) được bầu ngày 26-4-1981, có 496 đại biểu. Quốc hội bầu Hội đồng Nhà nước do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 4 Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước.

Quốc hội đã bầu Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch Quốc hội và 9 Phó Chủ tịch Quốc hội; bầu Hội đồng Quốc phòng, Hội đồng Dân tộc và 7 ủy ban: Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Kinh tế - kế hoạch và ngân sách, Ủy ban Văn hóa và giáo dục, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật, Ủy ban Y tế và xã hội, Ủy ban Thanh niên, thiếu niên và nhi đồng và Ủy ban Đối ngoại.

Quốc hội khóa VII đã có 12 kỳ họp; ban hành được 10 đạo luật và 35 nghị quyết; Hội đồng Nhà nước ban hành được 15 pháp lệnh. Ngoài các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước được ban hành mới theo Hiến pháp 1980, đáng chú ý là lần đầu tiên Quốc hội đã ban hành Bộ luật hình sự (1985) gồm 280 điều quy định về tội phạm và hình phạt; và Luật hôn nhân gia đình (1986) gồm 57 điều trên cơ sở kế thừa và phát triển Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, thể hiện bước phát triển đáng kể trong hoạt động lập pháp của Quốc hội.

Quốc hội đã triển khai thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước như thành lập các cơ quan nhà nước ở Trung ương, thông qua các nghị quyết về kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm; quyết định các vấn đề về việc cử và

miễn nhiệm một số thành viên Hội đồng Bộ trưởng.

Hoạt động giám sát cũng được Quốc hội và Hội đồng Nhà nước coi trọng, tập trung về các vấn đề quản lý kinh tế - xã hội, việc thi hành Hiến pháp, pháp luật nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp đã có bước cải tiến với việc tại kỳ họp thứ 10, các đại biểu Quốc hội đã tập trung chất vấn vào việc đánh giá những sai lầm, khuyết điểm về việc thực hiện chính sách giá - lương - tiền; đồng thời đề ra những biện pháp khắc phục.

Quốc hội khóa VIII (1987-1992) được bầu ra ngày 19-4-1987 là Quốc hội của giai đoạn khởi đầu sự nghiệp Đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra.

Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội bầu đồng chí Lê Quang Đạo làm Chủ tịch Quốc hội, 5 Phó Chủ tịch Quốc hội; thành lập Hội đồng quốc phòng, Hội đồng Dân tộc và 7 ủy ban: Ủy ban Pháp luật; Ủy ban Kinh tế, kế hoạch và ngân sách; Ủy ban Văn hóa và giáo dục; Ủy ban Khoa học và kỹ thuật; Ủy ban Y tế và xã hội; Ủy ban Thanh niên, Thiếu niên và nhi đồng và Ủy ban Đối ngoại. Quốc hội đã có 11 kỳ họp, ban hành 2 bộ luật, 25 đạo luật và Hội đồng Nhà nước đã ban hành 39 pháp lệnh. Đáng chú ý là nhiều đạo luật quan trọng thể chế hóa chính sách kinh tế mới lần đầu tiên đã được ban hành, như Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1987), mở đường cho việc đẩy mạnh đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật doanh nghiệp tư nhân (1990) và Luật công ty (1990) là những đạo luật quan trọng thể chế hóa đường lối phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành

phần ở nước ta. Lần đầu tiên các luật này thừa nhận quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và quyền thành lập công ty và doanh nghiệp tư nhân. Quốc hội còn ban hành các luật về thuế như Luật thuế doanh thu, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế lợi tức, Bộ luật hàng hải, Luật hàng không dân dụng. Hội đồng Nhà nước đã ban hành hàng loạt pháp lệnh điều chỉnh các mặt khác nhau của đời sống xã hội.

Tại kỳ họp thứ 5, tháng 6-1989, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp do đồng chí Võ Chí Công làm Chủ tịch, gồm 27 thành viên để tiến hành sửa đổi Hiến pháp 1980 một cách cơ bản và toàn diện, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khóa VIII xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 11 năm 1992.

Đặc biệt, Quốc hội khóa VIII đã có tiến bộ nhất định trong việc xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tại các kỳ họp của mình, Quốc hội đã dành thời gian để thảo luận về các báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước và ngân sách nhà nước; yêu cầu Hội đồng Bộ trưởng báo cáo bổ sung, cung cấp thêm thông tin, số liệu để có thêm căn cứ xem xét, phân tích trước khi quyết định. Quốc hội cũng đã phê chuẩn các hiệp định, hiệp ước quan trọng về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và giáo dục mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết.

4. Thời kỳ từ năm 1992 đến nay

Đây là thời kỳ Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo

Hiến pháp 1992 và đã trải qua gần ba nhiệm kỳ hoạt động. Quốc hội đã có những đổi mới cơ bản, khắc phục tính hình thức, hạn chế trong hoạt động ở các khóa Quốc hội trước và ngày càng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng là cơ quan đại diện dân cử cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp mới 1992 vẫn tiếp tục khẳng định Quốc hội có ba chức năng cơ bản: là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; quyết định những chính sách cơ bản về đối nội, đối ngoại và thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Quốc hội có 14 nhiệm vụ, quyền hạn và quy định “Quốc hội có thể định cho mình những nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi xét thấy cần thiết” trong Hiến pháp 1980 đã bị bãi bỏ.

Hiến pháp 1992 đã có sự điều chỉnh quan trọng là lập lại chế định Chủ tịch nước là cá nhân một người và thành lập Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội; lập Hội đồng Quốc phòng và An ninh do Chủ tịch nước làm Chủ tịch. Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm có Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên. Thành viên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể đồng thời là thành viên Chính phủ. Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện 12 nhiệm vụ, quyền hạn, trong đó có quyền công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội; tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các kỳ họp Quốc hội; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; ra pháp lệnh về những vấn đề Quốc hội giao...

Hiến pháp 1992 quy định Quốc hội bầu Hội đồng Dân tộc

và các ủy ban của Quốc hội và lần đầu tiên quy định “mỗi ủy ban có một số thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách”.

Quốc hội khóa IX (1992-1997) được bầu ngày 19-7-1992, có 395 đại biểu và nhiệm kỳ hoạt động là 5 năm. Quốc hội đã đóng vai trò quan trọng trong việc thể chế hóa Cương lĩnh, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, đường lối đổi mới của Đảng theo tinh thần của Hiến pháp 1992 và Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VII nhằm tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới sâu sắc và toàn diện. Việc quy định công dân có quyền tự ứng cử đại biểu Quốc hội và quy định cụ thể về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1992 đánh dấu bước đổi mới quan trọng trong cơ chế bầu cử, tạo cơ sở pháp lý cần thiết bảo đảm phát huy quyền dân chủ của công dân, tạo điều kiện cho những người có đủ tiêu chuẩn thực hiện quyền tự ứng cử, đề cử tri lựa chọn, bầu vào Quốc hội, để họ có điều kiện đóng góp trí tuệ và khả năng của mình với Quốc hội, với đất nước. Thực tế Quốc hội khóa IX có những người tự ứng cử trúng cử đại biểu Quốc hội.

Quốc hội IX bầu đồng chí Nông Đức Mạnh làm Chủ tịch Quốc hội, 3 Phó Chủ tịch và 9 Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra, Quốc hội còn thành lập Hội đồng Dân tộc và 7 Ủy ban của Quốc hội: Ủy ban Pháp luật; Ủy ban Kinh tế và ngân sách; Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; Ủy ban Các vấn đề xã hội; Ủy ban Khoa học, công nghệ và môi trường, Ủy ban Quốc phòng và An ninh và Ủy ban Đối ngoại, trong đó, Ủy ban Quốc phòng và an ninh

của Quốc hội lần đầu tiên được thành lập.

Trong nhiệm kỳ khóa IX, Quốc hội đã tập trung thời gian, trí tuệ để đẩy mạnh hoạt động lập pháp với kết quả là 36 luật, bộ luật và 43 pháp lệnh đã được ban hành. Quốc hội đã ưu tiên ban hành các văn bản cần thiết nhằm thiết lập hệ thống chính sách nhất quán, tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; góp phần đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trong đó có việc đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất, huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tăng tích lũy để tạo vốn đầu tư phát triển.

Nhiều đạo luật tạo cơ sở pháp lý hình thành môi trường ổn định và thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế đã được Quốc hội khóa IX ban hành như Luật đất đai, Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật hợp tác xã, Luật phá sản doanh nghiệp, Luật công ty (sửa đổi), Luật doanh nghiệp tư nhân (sửa đổi), Luật khuyến khích đầu tư trong nước, các luật về thuế...

Cùng với các văn bản pháp luật về kinh tế, Quốc hội đã quan tâm ban hành các luật, pháp lệnh về đổi mới hệ thống chính trị nhằm góp phần thực hiện tốt nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Quốc hội khóa IX đã xem xét và thông qua Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Tòa án Nhân dân, Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi)... Đây là những đạo luật quan trọng, tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước phù hợp với các quy định của

Hiến pháp 1992. Ngoài ra, Quốc hội còn chú ý xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật thể chế hóa các quyền và lợi ích chính đáng của công dân, bảo đảm trật tự, kỷ cương, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh như ban hành hai bộ luật lớn: Bộ luật lao động (1994), Bộ luật dân sự (1995), Nghị quyết về việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu...

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành nhiều pháp lệnh, trong đó đáng chú ý là Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và Pháp lệnh “Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng”.

Quốc hội đã có nhiều quyết sách quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước như hàng năm, Quốc hội xem xét và thông qua các nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước; phân bổ ngân sách nhà nước; các vấn đề cơ bản về đối nội và đối ngoại... Đáng chú ý là lần đầu tiên sau 10 năm tiến hành Đổi mới, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ, kế hoạch 5 năm (1996-2000), thể hiện vai trò và trách nhiệm của Quốc hội trước định hướng phát triển lâu dài của đất nước. Quốc hội cũng đã quyết định việc miễn nhiệm, bầu và phê chuẩn việc bổ nhiệm một số nhân sự cấp cao của Nhà nước; sáp nhập một số bộ, ngành; việc chia tách một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Công tác giám sát của Quốc hội cũng đã có những đổi mới nhất định như tiến hành nghe các báo cáo hoạt động của các cơ

quan nhà nước ở Trung ương; cử các đoàn đi kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương. Chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của đại biểu Quốc hội, của Chính phủ và các cơ quan hữu quan trước nhân dân. Đặc biệt là từ năm 1994 đến nay, các phiên chất vấn tại các kỳ họp Quốc hội đã được phát thanh và truyền hình trực tiếp, tạo không khí cởi mở, đối thoại giữa người hỏi và người trả lời, được nhân dân quan tâm theo dõi và hoan nghênh.

Quốc hội đã chú trọng đến công tác dân nguyện, tiếp dân và giải quyết các đơn thư của nhân dân. Nhiều đoàn công tác của Quốc hội đã trực tiếp đến các địa phương, cơ sở để đôn đốc, xem xét việc giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền.

Hoạt động đối ngoại của Quốc hội giai đoạn này cũng có nhiều đổi mới. Các cơ quan của Quốc hội đã triển khai hoạt động đối ngoại một cách chủ động, tích cực nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng anh em và tại các diễn đàn nghị viện đa phương. Hoạt động đối ngoại của Quốc hội đã góp phần quan trọng thúc đẩy việc thực hiện thành công chính sách đối ngoại Việt Nam "muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Kết thúc nhiệm kỳ, khi đánh giá về hiệu quả hoạt động của Quốc hội khóa IX, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đã nêu rõ: cùng với toàn Đảng, toàn dân, các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, Quốc hội đã không ngừng phấn đấu, góp phần quan trọng vào

những thành tựu đạt được sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng và 10 năm đổi mới của đất nước ta.

Quốc hội khóa X (1997-2002) được bầu ngày 20-7-1997, gồm 450 đại biểu. Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của Quốc hội các khóa trước, Quốc hội khóa X đã tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII, của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội bầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội có 14 thành viên, gồm Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, 5 phó chủ tịch Quốc hội và 8 ủy viên. Tại kỳ họp thứ 9 từ ngày 22-5 đến ngày 29-6-2001, Quốc hội đã tín nhiệm bầu đồng chí Nguyễn Văn An làm Chủ tịch Quốc hội thay đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội đã thành lập Hội đồng Dân tộc và 7 Ủy ban của Quốc hội: Ủy ban Pháp luật; Ủy ban Kinh tế và ngân sách; Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; Ủy ban Các vấn đề xã hội; Ủy ban Khoa học, công nghệ và môi trường; Ủy ban Quốc phòng và an ninh và Ủy ban Đối ngoại.

Trong nhiệm kỳ 5 năm (1997-2002) với 11 kỳ họp và 50 phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội khóa X đã tập trung công sức, trí tuệ và thời gian để tiếp tục nâng cao chất lượng công tác lập pháp, đẩy mạnh công tác giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; tính dân chủ trong hoạt động ngày càng được phát huy, tính hình thức ngày càng giảm.

Trong công tác lập pháp, Quốc hội đã ban hành được 1

bộ luật, 31 luật; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành được 39 pháp lệnh. Các văn bản luật và pháp lệnh được ban hành đã quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đề ra, tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các vấn đề bức xúc của cuộc sống và công cuộc phát triển đất nước. Đối tượng điều chỉnh của các văn bản này liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội. Nhiều văn bản pháp luật đã đáp ứng đúng đòi hỏi của thực tiễn nên nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả.

Điểm nổi bật là tại kỳ họp thứ 10 từ ngày 21-11 đến ngày 25-12-2001, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 51/2001/QH10 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý Nhà nước, phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân. Cụ thể là ở Điều 84 của Hiến pháp 1992 đã được bổ sung quy định Quốc hội phân bổ ngân sách Trung ương; còn việc phân bổ ngân sách địa phương thì được giao cho Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh; Quốc hội quyết định chính sách tôn giáo; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách thành viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh; bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; và quyền của Quốc hội phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế do

Chủ tịch nước trực tiếp ký.

Vai trò của Quốc hội được tăng cường trong việc xem xét và quyết định các vấn đề nhân sự cấp cao. Trước năm 2001, Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992 đều giao cho cơ quan thường trực của Quốc hội là Hội đồng Nhà nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ và báo cáo với Quốc hội tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội. Điều khoản sửa đổi của Hiến pháp năm 1992 đã bãi bỏ thẩm quyền này của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để bảo đảm Quốc hội là chủ thể duy nhất có quyền quyết định nhân sự cấp cao của Nhà nước.

Quốc hội đã xem xét và ban hành mới các luật về tổ chức bộ máy nhà nước. Đó là Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật tổ chức Tòa án Nhân dân và Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân. Quốc hội cũng đã ban hành Luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Bên cạnh ưu tiên ban hành các văn bản luật, pháp lệnh về lĩnh vực kinh tế như Luật doanh nghiệp, Luật hải quan, Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật các tổ chức tín dụng..., Quốc hội còn quan tâm đến việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật về các lĩnh vực xã hội như Luật phòng chống ma túy, Pháp lệnh người cao tuổi, Pháp lệnh người tàn tật, v.v.. Ngoài ra, nhiều văn bản luật, pháp lệnh về lĩnh vực văn hóa,

giáo dục, khoa học, công nghệ cũng được xây dựng và ban hành mới như Luật di sản văn hóa, Luật khoa học công nghệ, Luật tài nguyên nước, Pháp lệnh chất lượng hàng hóa, Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...

Điều đáng chú ý là quy trình xây dựng pháp luật đã được quan tâm cải tiến. Cụ thể là vai trò và trách nhiệm của các chủ thể trong quy trình xây dựng pháp luật được nâng cao. Việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân, các ngành, các cấp về các dự án luật, pháp lệnh được tiếp tục coi trọng và có những đổi mới đáng kể nhằm phát huy trí tuệ của các tầng lớp nhân dân cả nước. Các đợt lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật ngày càng có hiệu quả thiết thực và đã trở thành những cuộc sinh hoạt chính trị sôi nổi, rộng khắp trong cả nước. Sự chuẩn bị và phối hợp giữa cơ quan soạn thảo và cơ quan thẩm tra đã có bước tiến bộ. Việc xem xét và thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội đã có cải tiến một bước, góp phần nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ của việc xem xét và thông qua dự án luật.

Cùng với hoạt động lập pháp, Quốc hội ngày càng chú trọng và chủ động hơn trong việc xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước: xem xét, quyết định các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, mục tiêu quốc gia, tổ chức bộ máy và nhân sự của các cơ quan nhà nước do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, các vấn đề về bảo đảm an ninh - quốc phòng. Quốc hội xem xét kết quả thực hiện Nghị quyết về kế hoạch 5 năm (1996-2000) và thông qua Nghị quyết về kế hoạch 5 năm tiếp theo (2001-2005). Đặc biệt, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về tiêu chuẩn các công trình quốc gia

quan trọng. Trên cơ sở đó, Quốc hội đã thảo luận và quyết định thực hiện 3 dự án quan trọng là Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, Dự án khí - điện - đạm ở Bà Rịa - Vũng Tàu và Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

Quốc hội đã xem xét và thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn “Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” tại kỳ họp thứ 7 (tháng 6-2000); Nghị quyết về việc phê chuẩn “Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại song phương” tại kỳ họp thứ 10 (tháng 11-2001).

Hoạt động giám sát của Quốc hội khóa X cũng được triển khai tích cực, có sự đổi mới cả về nội dung và hình thức giám sát. Quốc hội đã tập trung giám sát việc thi hành Hiến pháp, pháp luật; hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện những nhiệm vụ quan trọng về kinh tế, ngân sách nhà nước, về dân tộc, miền núi, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; vấn đề giao lưu kinh tế qua biên giới, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), viện trợ phát triển chính thức (ODA); việc thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, Chương trình 135, vấn đề cử tuyển và chính sách đào tạo, sử dụng đối với con em đồng bào các dân tộc thiểu số; hoạt động điều tra, truy tố, xét xử... Hoạt động giám sát tại các kỳ họp đã được đổi mới, theo đó, nội dung giám sát ngày càng phong phú, được thảo luận dân chủ hơn. Thời gian dành cho việc xem xét các báo cáo cũng được bố trí thỏa đáng hơn. Các phiên chất vấn đều được phát thanh, truyền hình trực tiếp.

Trong nhiệm kỳ này, hoạt động đối ngoại của Quốc hội đã được triển khai chủ động trên nhiều địa bàn, với nhiều chủ thể khác nhau nhằm củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, nhất là các nước láng giềng trong khu vực Đông Nam á; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động trên các diễn đàn nghị viện đa phương như Tổ chức Liên minh Nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam á (AIPO), Liên minh Nghị viện thế giới (IPU); Hiệp hội các Nghị viện châu á vì hòa bình (AAPP); Liên minh Nghị viện cộng đồng Pháp ngữ (APF); Diễn đàn Nghị sĩ châu á - Thái Bình Dương (APPF); Diễn đàn Nghị sĩ châu á về dân số và phát triển (AFPDD). Tổng cộng có 129 đoàn đại biểu Quốc hội từ các nước, trong đó có 16 Chủ tịch Quốc hội, đã đến thăm và làm việc với Quốc hội Việt Nam.

Nhiều đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam đã đi thăm chính thức các nước; tham dự các kỳ họp thường niên của Đại hội đồng AIPO; kỳ họp lần thứ 100 của Liên minh Nghị viện thế giới và Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đã tham dự Hội nghị thiên niên kỷ các vị đứng đầu cơ quan lập pháp các nước trên thế giới, lần đầu tiên được tổ chức tại trụ sở Đại hội đồng Liên hợp quốc ở New York. Đặc biệt, tại kỳ họp lần thứ 22 Đại hội đồng AIPO ở Băngcốc (Thái Lan), Quốc hội Việt Nam tiếp nhận chức Chủ tịch và Tổng thư ký AIPO nhiệm kỳ 2001-2002 và đăng cai, tổ chức thành công kỳ họp Đại hội đồng AIPO lần thứ 23 tại Hà Nội vào tháng 9-2002.

Quốc hội khóa XI (2002-2007) được bầu ngày 19-5-2002 là khóa Quốc hội đầu tiên trong thiên niên kỷ mới;

có 498 đại biểu trúng cử với số cử tri đi bầu đạt tỷ lệ 99,73%, cao nhất từ trước đến nay.

Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI diễn ra trong bối cảnh công cuộc đổi mới đất nước được triển khai một cách toàn diện, mạnh mẽ nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tại kỳ họp thứ nhất, đồng chí Nguyễn Văn An được bầu làm Chủ tịch Quốc hội, 3 Phó Chủ tịch Quốc hội và 9 thành viên khác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quốc hội thành lập Hội đồng Dân tộc và 7 ủy ban của Quốc hội: Ủy ban Pháp luật; Ủy ban Kinh tế và ngân sách, Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; Ủy ban Các vấn đề xã hội; Ủy ban Khoa học, công nghệ và môi trường; Ủy ban Quốc phòng và an ninh và Ủy ban Đối ngoại.

Trong nhiệm kỳ này, số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách đã tăng lên đáng kể, có 120 trong số 498 đại biểu (chiếm gần 25% tổng số đại biểu Quốc hội) hoạt động chuyên trách ở các cơ quan của Quốc hội và tại tất cả 64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Để thực hiện tốt hơn nữa các nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định thành lập 3 cơ quan chuyên môn trực thuộc là Ban công tác lập pháp, Ban công tác đại biểu và Ban dân nguyện.

Đến tháng 10-2005, Quốc hội đã trải qua 8 kỳ họp. Các mặt hoạt động của Quốc hội có nhiều đổi mới rất quan trọng. Tính đến hết kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI, có 44 văn bản

luật và 26 pháp lệnh được ban hành. Số lượng các văn bản luật được ban hành trong một kỳ họp đã tăng nhiều hơn so với trước. Cho đến nay, kỳ họp thứ 7 là kỳ họp có số lượng kỷ lục với 15 dự án luật được Quốc hội xem xét và thông qua.

Trong số các văn bản luật quan trọng được Quốc hội thông qua, đáng chú ý là Luật ngân sách nhà nước (được thông qua ngày 16-12-2002) đã sửa đổi cơ bản Luật ngân sách nhà nước năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996; Luật thống kê và Luật kế toán (được thông qua ngày 17-6-2003); Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi), Luật đất đai (sửa đổi), Luật doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi), Luật hợp tác xã (sửa đổi), Luật xây dựng, Luật thủy sản, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi), Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi) và Luật thi đua, khen thưởng.

Tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá XI, lần đầu tiên Quốc hội đã thông qua Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 thay thế cho 5 pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, việc công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài, thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động nhằm góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực trong việc giải quyết các vụ việc về dân sự, kinh tế, lao động, hôn nhân và gia đình.

Kết quả hoạt động lập pháp của Quốc hội thể hiện sự cố gắng vượt bậc không chỉ nhiều về số lượng, mà còn bảo đảm

chất lượng của các văn bản được ban hành. Điều này, trước hết là do sự tích cực, chủ động của các cơ quan của Quốc hội trong việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa Quốc hội, Chính phủ và các chủ thể khác có quyền sáng kiến lập pháp trong quá trình xây dựng văn bản và nhất là đổi mới quy trình, thủ tục xây dựng pháp luật theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (2003). Theo quy trình mới này, dự án luật có thể được xem xét, thông qua tại một hay nhiều kỳ họp. Đồng thời, Quốc hội đã cải tiến việc thảo luận, cho ý kiến về các dự án luật như tổ chức Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách để các đại biểu thảo luận về các dự án luật trước khi trình Quốc hội.

Quốc hội đã thực hiện có kết quả chức năng quyết định các vấn đề quan trọng như bầu Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; phân bổ ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước mới năm 2003. Quốc hội đã xem xét, quyết định phương án xây dựng công trình Nhà máy thủy điện Sơn La, một công trình có ý nghĩa hết sức to lớn, tác động trực tiếp đến công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và đời sống của nhân dân; ban hành Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 2003; Nghị quyết về việc phê chuẩn “Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong vùng vịnh

Bắc Bộ”; Nghị quyết về giáo dục; Nghị quyết về chủ trương xây dựng đường Hồ Chí Minh; Nghị quyết về tập trung chỉ đạo xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất...

Hoạt động giám sát của Quốc hội khóa XI cũng được tăng cường hơn trước. Ngoài việc tiến hành giám sát như nghe báo cáo về tình hình hoạt động của các cơ quan nhà nước Trung ương, chất vấn tại kỳ họp, Quốc hội đã nghe các báo cáo giám sát chuyên đề do Ủy ban Thường vụ tiến hành về các vấn đề gây bức xúc như chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư, xây dựng cơ bản; công tác giáo dục... Quốc hội đã ban hành Luật hoạt động giám sát của Quốc hội (tháng 6-2003) nhằm cụ thể hóa chức năng giám sát tối cao của Quốc hội, của các cơ quan của Quốc hội, của các đại biểu Quốc hội và các đoàn đại biểu Quốc hội.

Hoạt động đối ngoại của Quốc hội tiếp tục được tăng cường cả trong quan hệ song phương và tại các diễn đàn nghị viện đa phương. Lần đầu tiên Quốc hội nước ta tổ chức thành công *Diễn đàn đối tác Nghị viện á - Âu ASEP* lần thứ ba (ASEP3) tại thành phố Huế, tháng 3-2004 với sự tham dự của 120 đại biểu đến từ 7 nước ASEAN và 15 nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), cùng 3 đối tác ASEAN là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Diễn đàn này được tiến hành với chủ đề hướng tới một nền thương mại quốc tế bình đẳng hơn; đồng thời, thúc đẩy giao lưu và đa dạng văn hoá trong khuôn khổ đối tác á - Âu. Tiếp đó, Quốc hội nước ta tổ chức thành công Hội nghị thường niên lần thứ 13 *Diễn đàn Nghị viện các quốc gia châu á - Thái Bình Dương (APPF 13)* tại Quảng Ninh vào tháng 1-2005 với sự tham gia của 275 nghị viên đến

từ 23 nước trong khu vực châu á - Thái Bình Dương. Tháng 9-2005, Chủ tịch Nguyễn Văn An đã dẫn đầu Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam tham dự Hội nghị toàn thế giới lần thứ hai những người đứng đầu các cơ quan lập pháp các nước được tổ chức tại trụ sở Đại hội đồng Liên hợp quốc ở New York.

V. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ quá trình hình thành, phát triển và hoạt động của Quốc hội nước ta 60 năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Thứ nhất, sự ra đời và phát triển của Quốc hội là kết quả của quá trình đấu tranh cách mạng và gắn liền với sự phát triển của đất nước ta trong suốt 60 năm qua. Trong quá trình phát triển, Quốc hội ngày càng thực sự thể hiện là cơ quan kết hợp chặt chẽ và hài hòa hình thức dân chủ đại diện và hình thức dân chủ trực tiếp, là hiện thân của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ngay trong những ngày đầu khi Cách mạng Tháng Tám vừa mới thành công, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, gian nan, thử thách, cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên được tổ chức vào ngày 6-1-1946 ở khắp các tỉnh, thành với 89% cử tri trong cả nước đi bầu và lựa chọn được 333 đại biểu của mình vào Quốc hội, trong đó có 34 đại biểu các dân tộc thiểu số và 57% đại biểu các đảng phái khác nhau. Tính dân chủ trực tiếp ngày càng thể hiện rõ hơn trong các cuộc bầu cử sau này. Quốc hội do toàn

dân trực tiếp bầu ra và có cơ cấu thành phần rộng rãi luôn phản ánh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phản ánh tiếng nói và quyền lực của toàn dân. Thông qua các đại biểu của mình cũng như các hình thức hoạt động của Quốc hội, quyền làm chủ của người dân ngày càng được tôn trọng và phát huy. Cũng vì thế, vai trò, vị thế cũng như uy tín của Quốc hội ngày càng được nâng cao.

Thứ hai, từ ngày thành lập đến nay, Quốc hội đã thể hiện hai thuộc tính đặc biệt mà chỉ duy nhất Quốc hội mới có, đó là: cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Nhân dân thông qua Quốc hội và các đại biểu Quốc hội do mình bầu ra để thực thi các quyền lực của mình, do đó Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Quốc hội là nền tảng chính trị - pháp lý của sự tồn tại và phát triển của hệ thống tổ chức quyền lực chính trị và tổ chức quyền lực Nhà nước. Quốc hội với ba chức năng cơ bản là: lập pháp (cơ quan duy nhất có quyền ban hành Hiến pháp và luật), quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao. Thông qua ba chức năng này, Quốc hội đã thể hiện là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và thực hiện ngày càng có hiệu quả các chức năng của mình thông qua việc không ngừng hoàn thiện và đổi mới tổ chức cũng như phương thức hoạt động. Quốc hội ngày càng xứng đáng với niềm tin và ý chí của toàn dân, xứng đáng với vị trí là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Thứ ba, mô hình tổ chức một viện của Quốc hội nước ta

đã phản ánh đúng truyền thống, lịch sử hình thành và yêu cầu của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Ngay từ khi thành lập sau cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946, Quốc hội nước ta với hình thức tổ chức theo cơ cấu một viện là nhằm bảo đảm cho Quốc hội thật sự trở thành một tổ chức tập trung quyền lực của Nhà nước, thống nhất ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân.

Quốc hội luôn thành lập cơ quan thường trực để giúp Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn ngay cả trong thời gian Quốc hội không họp. Cùng với việc thành lập cơ quan thường trực của Quốc hội, cơ cấu tổ chức của Quốc hội ngày càng hoàn thiện và hiện nay có Hội đồng Dân tộc và 7 Ủy ban để giúp Quốc hội trong việc thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh; giám sát việc thực hiện Hiến pháp, luật, pháp lệnh và kiến nghị về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của mình. Đoàn đại biểu Quốc hội ở các địa phương là hình thức tổ chức đặc thù của Quốc hội nước ta, góp phần tăng cường sự gắn kết giữa Quốc hội với cử tri và chính quyền các cấp, tạo điều kiện cho Quốc hội hoạt động có hiệu quả hơn trong thời gian giữa hai kỳ họp.

Thứ tư, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội không ngừng đổi mới phương thức hoạt động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả các kỳ họp. Đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội được thực hiện một cách đồng bộ, từ đổi mới quy trình lập pháp đến việc tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các kỳ họp; cải tiến việc xem xét và thảo luận các vấn đề tại kỳ họp, phiên họp theo hướng dân chủ, mở rộng tranh luận,

đối thoại để thống nhất ý kiến; tăng cường cởi mở, công khai trong sinh hoạt của Quốc hội.

Nhờ đổi mới phương thức hoạt động mà sự quan tâm của công chúng đối với các hoạt động của Quốc hội ngày càng cao, được nhân dân đồng tình và ủng hộ. Từ đó, uy tín của Quốc hội ngày càng lớn, lòng tin của nhân dân đối với Quốc hội ngày càng tăng.

Cùng với đổi mới phương thức lập pháp, cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động của các đại biểu Quốc hội cũng như tại các kỳ họp, việc tổ chức thực hiện quyền giám sát của Quốc hội cũng được cải thiện và đổi mới, ngày càng có chất lượng và hiệu quả hơn, các hình thức giám sát ngày càng đa dạng hơn.

Thứ năm, hoạt động của Quốc hội phải gắn chặt và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đảng, cơ quan chính quyền, đoàn thể nhân dân, trong đó các cơ quan Quốc hội phải thường xuyên chủ động phối hợp, nhất là trong việc chuẩn bị các kỳ họp Quốc hội, các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nhiều công việc quan trọng khác của đất nước. Tăng cường mối quan hệ hợp tác là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội. Đồng thời, phải đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể đối với Quốc hội.

Mặt khác, để cho hoạt động của Quốc hội thể hiện được ý chí, nguyện vọng của toàn dân, gắn bó với thực tiễn cuộc sống, cần tăng cường mối quan hệ giữa Quốc hội với nhân dân. Thông qua việc tiếp xúc cử tri, lắng nghe ý kiến của cử tri;

tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và thực hiện các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội ngày càng phát huy vai trò, nâng cao uy tín và năng lực của mình và được nhân dân tin nhiệm cao hơn.

Thứ sáu, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định để Quốc hội hoàn thành xuất sắc các chức năng, nhiệm vụ của mình. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội là nhằm bảo đảm cho Quốc hội hoạt động đúng định hướng, phù hợp với lợi ích của dân tộc và của giai cấp, tạo điều kiện để kiện toàn và củng cố hệ thống chính trị, củng cố và tăng cường Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, giữ vững bản chất Nhà nước của ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Toàn bộ hoạt động lập pháp của Quốc hội thời gian qua là tiếp tục thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng, thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội cũng là một quá trình phát triển tư duy, phát triển nhận thức và phù hợp với thực tiễn của cách mạng nước ta. Tăng cường vai trò của Quốc hội cũng chính là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, làm cho bộ máy chính quyền hoạt động có hiệu quả, hiệu lực hơn, thông qua đó, uy tín và vai trò của Đảng ngày càng cao. Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo Quốc hội bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết, quyết định, nguyên tắc giải quyết những vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh; lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan

điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng; xây dựng Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; bố trí đúng đội ngũ cán bộ cầm quyền ngang tầm nhiệm vụ. Đảng không buông lỏng lãnh đạo nhưng cũng không bao biện, làm thay Quốc hội và các cơ quan nhà nước, trái lại, Quốc hội và các cơ quan nhà nước càng phải phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo với tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Đây cũng chính là điều kiện để Quốc hội ngày càng phát huy vai trò là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân và cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước ta.

VI. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI QUỐC HỘI

1. Bối cảnh tình hình mới

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới với những thuận lợi cơ bản mà công cuộc đổi mới gần 20 năm qua đã đạt được: Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện; hoạt động văn hóa - xã hội tiến bộ trên nhiều mặt, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện, chỉ số phát triển con người được nâng lên; chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường, hoạt động đối ngoại được mở rộng; công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền đạt nhiều tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Đất nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới trong xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo. Toàn cầu hóa là xu thế khách quan đã và đang diễn ra nhanh chóng trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây không ít khó khăn, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển như Việt Nam. Nền kinh tế nước ta vẫn đang trong tình trạng kém phát triển; khoa học và công nghệ còn ở trình độ thấp; các thế lực thù địch vẫn đang âm mưu chống phá ta; an ninh, trật tự và an toàn xã hội ở một số vùng và địa phương vẫn chưa bảo đảm vững chắc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước đã đạt nhiều thành tựu quan trọng; thế và lực của nước ta lớn mạnh lên rất nhiều so với trước. Nhà nước ta đặt ra mục tiêu sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Yêu cầu, mục đích đổi mới Quốc hội

Yêu cầu chung đặt ra trong việc đổi mới Quốc hội trong thời gian tới là phấn đấu để Quốc hội thực thi đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, xứng đáng với vị trí và vai trò là cơ quan đại biểu cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo hướng này, Quốc hội vẫn được xác định là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối

cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Quốc hội được xác định là thiết chế quyền lực nhà nước trung tâm; quyết định của Quốc hội có ảnh hưởng và chi phối đối với các lĩnh vực khác nhau của hoạt động Nhà nước và đời sống xã hội. Điều này đòi hỏi việc xem xét và quyết định của Quốc hội phải thực chất, không mang tính hình thức.

Các yêu cầu cụ thể của việc đổi mới Quốc hội đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau: *thứ nhất*, khắc phục những khuyết điểm, tồn tại hiện nay trong tổ chức, hoạt động của Quốc hội; *thứ hai*, phát huy vai trò của Quốc hội trong việc tạo lập môi trường thể chế và điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; *thứ ba*, góp phần mở rộng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; *thứ tư*, theo định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta; *thứ năm*, phù hợp với xu hướng vận động và phát triển của thời đại; *thứ sáu*, thúc đẩy quá trình chủ động hội nhập quốc tế.

Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của Quốc hội cần được tiến hành khẩn trương. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng đây là một quá trình còn không ít khó khăn, thách thức, vừa phản ánh nhu cầu cấp thiết phải khắc phục những thiếu sót, tồn tại, vừa phải phù hợp và đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoạt động có hiệu quả và hiệu lực trong một thế giới năng động vừa hợp tác vừa cạnh tranh gay gắt. Từ đó, cần tiến hành đổi mới Quốc hội theo hệ thống các quan điểm cơ bản về xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, phải tính đến những yêu cầu có tính đặc thù trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội để đổi mới Quốc hội một cách có hiệu quả.

Hệ quan điểm đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội:

Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của Quốc hội phải được tiến hành theo các nguyên tắc chung sau đây:

- (i) Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội để Quốc hội thực sự là: của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân;
- (ii) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp với mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội;
- (iii) Tổ chức và hoạt động của Quốc hội phải tuân theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp;
- (iv) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa; và
- (v) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội.

Đồng thời, xuất phát từ tính chất hoạt động của Quốc hội và đối chiếu với yêu cầu, mục đích xây dựng Nhà nước pháp

quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, cần quán triệt các *nguyên tắc cụ thể phù hợp với tổ chức và hoạt động của Quốc hội* như sau:

(i) Đổi mới Quốc hội phải trên cơ sở thực tiễn Việt Nam, kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị phổ quát của nhân loại.

Việc quán triệt quan điểm này là nhằm tìm kiếm những giá trị về tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước ta đã được thực tiễn kiểm nghiệm. Đồng thời, quan điểm này đòi hỏi phải tính đến yêu cầu, xu hướng hội nhập hiện nay; những kinh nghiệm và bài học tổ chức nhà nước mà các nước khác đã trải qua để đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội phù hợp với điều kiện thực tế ở nước ta.

(ii) Nguyên tắc về tính đồng bộ và thống nhất trong đổi mới Quốc hội

Đổi mới Quốc hội phải được tiến hành đồng bộ trên cả bốn yếu tố có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau: (a) xác định đúng đắn và nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của Quốc hội; (b) phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội; (c) có cơ cấu tổ chức hợp lý và (d) đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Điều này xuất phát từ mối quan hệ gắn bó chặt chẽ và phù hợp lẫn nhau giữa mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của mỗi cơ quan trong bộ máy nhà nước. Phương thức hoạt động chỉ hợp lý và phát huy hiệu quả khi có cơ cấu tổ chức hợp lý, khoa học và đồng

thời, phương thức hoạt động có thể góp phần làm cho bộ máy hoạt động có hiệu quả hơn.

Tính hệ thống và đồng bộ trong việc đổi mới Quốc hội được bắt đầu từ việc đánh giá tình hình, thực trạng và xác định phương hướng, mục đích cần đạt được và phải “dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính”¹.

(iii) Đề cao trách nhiệm chính trị pháp lý và đạo đức của các cơ quan, đại biểu Quốc hội trong việc bảo đảm hiệu quả và hiệu lực hoạt động của Quốc hội

Quốc hội là cơ quan có vị trí rất quan trọng, thực hiện ba chức năng: lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát tối cao. Quyết định của Quốc hội có ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến toàn xã hội và mọi công dân. Quyền lực càng lớn thì chế độ trách nhiệm càng cao, đòi hỏi các cơ quan của Quốc hội tăng cường trách nhiệm, đại biểu Quốc hội phải đề cao trách nhiệm cá nhân về pháp lý và đạo đức của mình trong việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn do Hiến pháp và pháp luật quy định.

(iv) Nguyên tắc về tăng dân tính chuyên nghiệp và hiện đại của mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội

Nguyên tắc này đòi hỏi Quốc hội phải hoạt động có hiệu

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.131

quả hơn, thể hiện ở khả năng ban hành đầy đủ, kịp thời các đạo luật có chất lượng tốt, áp dụng ngay được; luật có tính ổn định cao, ít bị sửa đổi, bổ sung; quyết định của Quốc hội về các vấn đề quan trọng của đất nước cần chính xác, kịp thời.

(v) Nguyên tắc minh bạch và có thể dự đoán được trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội

Nguyên tắc minh bạch trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội đòi hỏi chức năng, nhiệm vụ của mỗi chủ thể phải được xác định rõ ràng, cụ thể, và phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình trước nhân dân; bảo đảm cung cấp kịp thời cho người dân thông tin về các quyết định của Quốc hội.

3. Phương hướng và giải pháp đổi mới Quốc hội

Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IX đã xác định nhiệm vụ đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, trong đó “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng”¹ là vấn đề quan trọng hàng đầu.

Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều đã chính thức khẳng định bản chất Nhà nước ta là “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”. Từ đó, cần phải tiếp tục đổi mới tư duy, nhận thức một cách đầy đủ về Quốc hội nhằm phát huy vị trí, vai trò của Quốc hội trong sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.131.

tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, của đại biểu Quốc hội, hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo hướng luật của Quốc hội phải là văn bản chủ đạo trong việc điều chỉnh các quan hệ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội đối với các cơ quan nhà nước ở Trung ương. Phát huy có hiệu quả, đồng bộ các hình thức giám sát của Quốc hội: giám sát của tập thể Quốc hội, giám sát của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban, của ủy ban Thường vụ Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội; nâng cao vai trò của các đại biểu Quốc hội trong việc giám sát thi hành pháp luật ở địa phương; chú trọng hoạt động giám sát của Quốc hội về hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, giám sát tối cao là một chức năng cơ bản của Quốc hội bắt nguồn từ địa vị pháp lý của Quốc hội. Cần phân biệt bản chất giám sát của Quốc hội là giám sát mang tính quyền lực nhà nước khác với các hình thức giám sát khác.

Tiếp tục đổi mới hoạt động của các cơ quan của Quốc hội (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban) và các đại biểu Quốc hội; chuyên trọng tâm từ hoạt động theo đoàn như hiện nay sang hoạt động theo cơ chế ủy ban là chủ yếu. Vai trò của cá nhân đại biểu Quốc hội phải được tăng

cường.

Cần thành lập thêm một số Ủy ban của Quốc hội để giúp Quốc hội thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định phân bổ ngân sách trung ương, giám sát việc thực hiện ngân sách, giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp. Đồng thời, cần nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp nhằm bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp.

Các giải pháp và điều kiện cho việc tiếp tục đổi mới Quốc hội

Thứ nhất, cần nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của Quốc hội. Trước hết, phải quan niệm nguyên tắc thống nhất quyền lực và nguyên tắc tập quyền. Quyền lực nhà nước, tự bản thân nó là một thể thống nhất, không thể chia cắt và thuộc về nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua hai hình thức: dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, qua đó nhân dân ủy quyền cho các cơ quan nhà nước thay mặt nhân dân thực thi quyền lực trong ba lĩnh vực quan trọng: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; với những nhiệm vụ và quyền hạn được Hiến pháp và luật quy định. Với ý nghĩa đó, về nhận thức lý luận cũng như thực tiễn tổ chức và hoạt động của Quốc hội, cần phải tập trung vào mục tiêu xây dựng một Quốc hội thực thi đầy đủ, chất lượng cao chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình mà Hiến pháp và luật quy định.

Thứ hai, cải tiến các kỳ họp Quốc hội; cải tiến hình thức

lấy ý kiến nhân dân đối với các dự án luật và các hình thức tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội với cử tri; có các hình thức và cơ chế thích hợp để “nhân dân dự thính hoặc theo dõi trực tiếp các kỳ họp của cơ quan dân cử”; đổi mới và tăng cường các hình thức thông tin, tuyên truyền về Quốc hội để tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa đại biểu Quốc hội và cử tri.

Thứ ba, về chức năng lập pháp và quyết định các vấn đề quan trọng của Quốc hội, yêu cầu đặt ra là phải tập trung quyền lập pháp vào Quốc hội theo hướng giảm dần và tiến tới không ban hành hình thức pháp lệnh như nghị quyết của Đảng đã đề ra; luật hóa tối đa các quyết định của Quốc hội.

Thứ tư, về chức năng giám sát của Quốc hội, cần khắc phục tình trạng giám sát theo bề rộng mà hạn chế bề sâu. Hướng đổi mới là cần tập trung vào việc giám sát ngân sách và thực thi công vụ của các chức danh nhà nước; đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức trong việc sử dụng ngân sách nhà nước và nhất là giám sát để làm rõ trách nhiệm chính trị của những người do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

Xác định rõ phạm vi, nội dung, cơ chế giám sát của Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội với các hoạt động khác; bản chất của hoạt động giám sát là sự xem xét và đánh giá của cơ quan quyền lực nhà nước đối với việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; phân biệt giữa giám sát với các hoạt động tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin.

Đổi mới hình thức giám sát bằng cách nghe báo cáo hàng năm về hoạt động của các cơ quan nhà nước theo hướng xác định rõ vấn đề cần báo cáo với Quốc hội; những vấn đề được

đưa vào chương trình kỳ họp và phải dành thời gian thích đáng để các đại biểu thảo luận. Tổ chức giám sát theo chuyên đề và bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn để nâng cao hiệu lực của việc giám sát.

Thứ năm, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Quốc hội theo hướng đề cao vai trò của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - cơ quan thường trực của Quốc hội, có vai trò quan trọng trong việc xem xét chuẩn bị cho các kỳ họp của Quốc hội và điều hòa phối hợp hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban.

Cần thành lập thêm một số Ủy ban để giúp Quốc hội thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định phân bổ ngân sách, giám sát hoạt động tư pháp.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; hoàn thiện cơ chế giới thiệu, lựa chọn và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách ở các cơ quan của Quốc hội và ở các đoàn đại biểu Quốc hội phù hợp với đặc điểm và yêu cầu tổ chức, hoạt động của Quốc hội nước ta; tăng cường mối quan hệ giữa đại biểu với cử tri thông qua cơ chế ràng buộc trách nhiệm.

Tổ chức thực hiện tốt việc kê khai tài sản của các ứng cử viên đại biểu Quốc hội. Các ứng cử viên phải có chương trình hành động cụ thể, có tính khả thi để trình bày và đối thoại với cử tri về những dự kiến của mình. Phấn đấu để đa số thành viên của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban hoạt động chuyên trách.

Phát huy tính chủ động, tự lập, trách nhiệm cá nhân của đại biểu Quốc hội và phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước cử

tri đã tín nhiệm bầu mình. Đại biểu Quốc hội phải có chế độ làm việc hợp lý để kịp thời nắm bắt ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Cần chú trọng việc trao đổi, tọa đàm về các kỹ năng hoạt động cho đại biểu Quốc hội, nhất là các kỹ năng giám sát, chất vấn, kỹ năng khai thác, sử dụng và phân tích thông tin...

Thứ bảy, về các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội; trước hết, cần kiện toàn Văn phòng Quốc hội, các ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đủ mạnh, có tính ổn định lâu dài; tăng cường năng lực thông tin, nghiên cứu của Văn phòng Quốc hội để có thể tham mưu, giúp Quốc hội tổ chức thực hiện có kết quả các nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Cùng cố, kiện toàn Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội ở các địa phương về mọi mặt để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác tham mưu, giúp việc các hoạt động của đại biểu và Đoàn đại biểu Quốc hội. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc phát triển các dịch vụ thông tin, nghiên cứu; áp dụng mạnh mẽ công nghệ tin học vào hoạt động của Quốc hội.

Thứ tám, tiếp tục đổi mới cách thức làm việc của Quốc hội, tiếp tục phát huy dân chủ trong hoạt động của Quốc hội để bảo đảm Quốc hội có thể ban hành được nhiều quyết định có chất lượng tốt. Cần đổi mới quy trình chuẩn bị và thông qua các dự án luật tại kỳ họp Quốc hội, theo đó, coi trọng nội dung xây dựng chính sách trước khi đi vào soạn thảo văn bản pháp luật.

Hình thức làm việc tập thể của Quốc hội chủ yếu là để

tranh luận và quyết định vấn đề tại hội trường. Việc chất vấn của các đại biểu Quốc hội nên được tiến hành thường xuyên đối với các thành viên của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn tại các kỳ họp; tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn tại phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tăng cường trách nhiệm của các thành viên Chính phủ trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội và trước Quốc hội.

Thứ chín, cần tăng cường hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội trong việc chuẩn bị các vấn đề trình ra kỳ họp. Quá trình thảo luận và xem xét tại Ủy ban phải giữ vai trò quan trọng, có ý nghĩa quyết định trước khi vấn đề được trình ra kỳ họp để thảo luận chung và biểu quyết. Trọng tâm hoạt động của Quốc hội phải được chuyển sang cơ chế hoạt động của Ủy ban là chủ yếu và quyết định tại phiên họp toàn thể của Quốc hội.

Thứ mười, bảo đảm kinh phí hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Nghiên cứu xây dựng và ban hành chế độ, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đại biểu Quốc hội thực thi nhiệm vụ đại biểu của mình.

Phần thứ ba

MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ QUỐC HỘI 60 NĂM QUA

I. SỐ LIỆU TỔNG QUÁT VỀ CÁC KỶ BẦU CỬ QUỐC HỘI TỪ KHÓA I ĐẾN KHÓA XI

1. Khoá I (1946 - 1960)

- Bầu cử ngày 6-1-1946
- Tổng số đại biểu: 403
- Gồm 333 đại biểu được dân bầu, 70 đại biểu không qua bầu cử, trong đó có 20 đại biểu thuộc Việt Nam Cách mạng đồng minh hội và 50 đại biểu thuộc Việt Nam quốc dân đảng.

Thành phần xã hội trong Quốc hội khoá I như sau:

+ Trí thức:	61%
+ Công kỹ nghệ gia:	0,6%
+ Buôn bán:	0,5%
+ Thợ thuyền:	0,6%
+ Nông dân:	22%

Về tuổi tác:

+ Đại biểu từ 18 đến 25 tuổi:	0,7%
+ Đại biểu từ 26 đến 40 tuổi:	70%
+ Đại biểu từ 41 đến 50 tuổi:	18%
+ Đại biểu từ 51 đến 70 tuổi:	0,5%

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I đã thể hiện ý chí, quyết tâm và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng chính quyền của nhân dân, đồng thời phản ánh sự tin tưởng sâu sắc của Đảng đối với quần chúng cách mạng.

2. Khóa II (1960 - 1964)

- Bầu cử ngày 8-5-1960

- Tổng số đại biểu: 453, trong đó có 91 đại biểu miền Nam lưu nhiệm

Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

+ Công nhân	:	13,8%
+ Nông dân	:	12,9%
+ Trí thức	:	28,4%
+ Đảng viên	:	82,3%
+ Cán bộ chính trị	:	35,2%
+ Dân tộc thiểu số	:	15,4%

+ Quân đội	:	4,5%
+ Phụ nữ	:	13,5%
+ Thanh niên	:	8,8%
+ Tôn giáo	:	3,5%

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa II thắng lợi đã có ý nghĩa và tác dụng lớn đối với việc kiện toàn bộ máy Nhà nước dân chủ nhân dân, đối với việc đoàn kết toàn dân và nâng cao ý thức làm chủ đất nước của nhân dân ta. Đó là những điều kiện quyết định cho sự phát triển của chế độ, cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

3. Kỳ bầu cử Quốc hội khóa III (1964 - 1971)

- Bầu cử ngày 26-4-1964

- Tổng số đại biểu: 453, trong đó có 87 đại biểu lưu nhiệm
Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

+ Công nhân	:	12,4%
+ Nông dân	:	24,5%
+ Trí thức	:	26,8%
+ Đảng viên	:	80,6%
+ Cán bộ chính trị	:	19,2%
+ Dân tộc thiểu số	:	16,6%
+ Quân đội	:	5,0%
+ Phụ nữ	:	16,7%
+ Thanh niên	:	15,6%
+ Tôn giáo	:	3,2%

Kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa III đã tỏ rõ sự

nhất trí về chính trị và tinh thần, sự tín nhiệm của nhân dân đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

4. Khóa IV (1971 - 1975)

- Bầu cử ngày: 11-4-1971

- Tổng số đại biểu: 420

Cơ cấu thành phần Quốc hội như sau:

+ Công nhân	:	22,3%
+ Nông dân	:	21,4%
+ Trí thức	:	17,1%
+ Đảng viên	:	75,4%
+ Cán bộ chính trị	:	24,05%
+ Dân tộc thiểu số	:	17,3%
+ Quân đội	:	6,4%
+ Phụ nữ	:	29,7%
+ Thanh niên	:	19,5%

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa IV đã thành công rực rỡ, một lần nữa khẳng định sự nhất trí về chính trị và tinh thần xã hội của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, sự tín nhiệm của nhân dân đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam và ý thức chính trị, ý thức làm chủ đất nước, làm chủ xã hội của nhân dân Việt Nam.

5. Khóa V (1975 - 1976)

- Bầu cử ngày 6-4-1975

- Tổng số đại biểu: 424

Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

+ Công nhân	:	22%
+ Nông dân	:	21%
+ Trí thức	:	22%
+ Đảng viên	:	73%
+ Cán bộ chính trị	:	23%
+ Dân tộc thiểu số	:	16,7%
+ Quân đội	:	6,5%
+ Phụ nữ	:	32%
+ Thanh niên	:	33%

Kết quả tốt đẹp của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa V một lần nữa khẳng định sự nhất trí cao về chính trị trong xã hội, lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự tín nhiệm của toàn dân đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

6. Khóa VI (1976 - 1981)

- Bầu cử ngày 25-4-1976

- Tổng số đại biểu: 492

Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

+ Công nhân	:	16,2%
+ Nông dân	:	20,3%
+ Trí thức	:	19,9%
+ Đảng viên	:	81,4%

+ Cán bộ chính trị	:	28,6%
+ Dân tộc thiểu số	:	13,6%
+ Quân đội	:	10,9%
+ Phụ nữ	:	26%
+ Thanh niên	:	11,7%

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI là thắng lợi của đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng Lao động Việt Nam, đồng thời là một kết quả tốt đẹp của quá trình đấu tranh 45 năm qua của nhân dân Việt Nam vì độc lập và thống nhất dân tộc, vì dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử chứng tỏ sức mạnh vô địch của nhân dân cả nước ta đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dựa trên cơ sở liên minh công - nông. Với sức mạnh đó, ta đã giành được chiến thắng vĩ đại trong Cách mạng Tháng Tám, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Phát huy những thắng lợi đã giành được, nhân dân ta vững bước tiến lên xây dựng nước nhà thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường, góp phần với nhân dân thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

7. Khóa VII (1981 - 1987)

- Bầu cử ngày 26-4-1981.

- Tổng số đại biểu: 496.

Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

+ Công nhân	:	20,16%
+ Nông dân	:	18,64%
+ Trí thức	:	22,17%
+ Đảng viên	:	84,12%
+ Cán bộ chính trị	:	24,39%
+ Dân tộc thiểu số	:	14,91%
+ Quân đội	:	9,87%
+ Phụ nữ	:	21,776%
+ Thanh niên	:	18,14%

Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội khóa VII đã chứng minh rằng: đồng bào, chiến sĩ và cán bộ cả nước ta mặc dù đang gặp nhiều khó khăn về đời sống nhưng đã thực hiện quyền làm chủ tập thể qua lá phiếu của mình, theo đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

8. Khóa VIII (1987 - 1992)

- Bầu cử ngày 19-4-1987

- Tổng số đại biểu: 496

Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

+ Công nhân	:	20%
+ Nông dân	:	21%
+ Trí thức	:	24,9%
+ Đảng viên	:	93%
+ Cán bộ chính trị	:	20,2%
+ Dân tộc thiểu số	:	14%
+ Quân đội	:	9,9%

+ Phụ nữ	:	18%
+ Thanh niên	:	11,2%

Thắng lợi của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VIII, đã khẳng định rằng, mặc dù có nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, nhưng với truyền thống yêu nước và chủ nghĩa xã hội, với sự giác ngộ về nghĩa vụ và quyền làm chủ của công dân, nhân dân ta đã biểu thị lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực tham gia vào việc lựa chọn đại biểu xứng đáng của mình để bầu vào cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, góp phần tăng cường và củng cố Nhà nước chuyên chính vô sản.

Thành phần của 496 đại biểu được bầu vào Quốc hội khóa VIII đã thể hiện được khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dựa trên cơ sở liên minh công - nông vững chắc.

9. Khóa IX (1992 - 1997)

- Bầu cử ngày 19-7-1992
- Tổng số đại biểu: 395

Cơ cấu thành phần của Quốc hội

+ Nông nghiệp	:	14,68%
+ Công nghiệp	:	4,8%
+ Luật	:	3,8%
+ Giáo dục	:	6,1%
+ Văn học nghệ thuật	:	5,08%
+ Cán bộ chính trị		

công tác Đảng	:	10,94%
+ Đảng viên	:	91,6%
+ Dân tộc thiểu số	:	16,79%
+ Quản lý Nhà nước	:	31,3%
+ Quân đội	:	6,78%
+ Phụ nữ	:	18,84%

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa IX đã được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật. Nhân dân thể hiện lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có ý thức về quyền và nghĩa vụ của mình trong cuộc bầu cử, tích cực lựa chọn những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất.

Thành phần của 395 đại biểu được bầu vào Quốc hội khóa IX đã thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân, tiêu biểu cho trí tuệ của nhân dân cả nước.

10. Khóa X (1997 - 2002)

- Bầu cử ngày 20-7-1997
- Tổng số đại biểu: 450

Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

+ Phụ nữ	:	26,2%
+ Dân tộc thiểu số	:	17,33%
+ Đại biểu khoá IX		
tái cử	:	27,34%
+ Ngoài Đảng	:	15%
+ Đại biểu trẻ		
(dưới 40 tuổi)	:	18,6%
+ Các lực lượng		

vũ trang nhân dân	:	12,2%
+ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể	:	14%
+ Tôn giáo	:	0,17%
+ Giáo dục	:	4,88%
+ Y tế	:	4%
+ Công nghiệp	:	4,66%
+ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	:	3,77%

Tuổi bình quân của đại biểu Quốc hội khóa X là 49, trong đó đại biểu cao tuổi nhất là 86 tuổi và đại biểu trẻ tuổi nhất là 21 tuổi.

Thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X thể hiện tinh thần yêu nước và cách mạng, sự gắn bó và niềm tin của các tầng lớp nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ, thể hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch và vững mạnh, để Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân; đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tạo tiền đề vững chắc để đất nước bước vào thế kỷ XXI.

11. Khóa XI (2002 - 2007)

- Bầu cử ngày 19-5-2002

- Tổng số đại biểu: 498

Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

+ Trong lĩnh vực doanh nghiệp	25
+ Nông dân	6
+ Trong các lực lượng vũ trang	55
+ Công nhân	2
+ Đại biểu tự ứng cử	2
+ Đại biểu chuyên trách	118
+ Đảng viên	447
+ Ngoài Đảng	68
+ Dân tộc thiểu số	86
+ Phụ nữ	136
+ Tôn giáo	7

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI đã đạt được thắng lợi to lớn và thành công tốt đẹp; bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật, an toàn và tiết kiệm.

Thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI đã thể hiện ý thức chính trị, trách nhiệm công dân, trình độ dân trí, sinh hoạt dân chủ trong xã hội có bước tiến bộ rõ rệt, khẳng định tinh thần yêu nước và cách mạng, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

